

HỌC KÌ I
Học kì I: 18 tuần = 27 tiết

Tuần	Tiết	Bài học	Yêu cầu cần đạt	Ghi chú
1	1	Bài 1: Lịch sử là gì?	HS giải thích được tại sao cần phải học lịch sử.	
	2		HS nắm được khái niệm lịch sử	
2	3	Bài 2: Thời gian trong lịch sử	HS biết cách tính thời gian trong lịch sử	
	4	Bài 3: Nguồn gốc loài người	HS nắm được quá trình tiến hóa của loài người	
3	5	Bài 3: Nguồn gốc loài người	HS xác định được dấu tích của người tối cổ ở ĐNA và Việt Nam.	
	6	Bài 4: Xã hội nguyên thủy	HS mô tả được các giai đoạn phát triển của xã hội nguyên thủy	
4	7	Bài 4: Xã hội nguyên thủy	HS trình bày được những nét về đời sống vật chất và tinh thần của người nguyên thủy	
	8	Bài 5: Chuyển biến về kinh tế, xã hội cuối thời nguyên thủy	HS nắm được những chuyển biến về kinh tế - xã hội của người nguyên thủy	
5	9	Bài 5: Chuyển biến về kinh tế, xã hội cuối thời nguyên thủy		
	10	Bài 6: Ai Cập và Lưỡng Hà cổ đại	HS trình bày được những tác động đến sự hình thành nền văn minh Ai Cập, Lưỡng Hà.	
6	11	Bài 6: Ai Cập và Lưỡng Hà cổ đại	Trình bày được những thành tựu về kinh tế, văn hóa, xã hội của Ai Cập, Lưỡng Hà cổ đại.	
	12	Bài 6: Ai Cập và Lưỡng Hà cổ đại		
7	13	Bài 7: Ấn Độ cổ đại	HS trình bày được những tác động đến sự hình thành nền văn minh Ấn Độ.	
	14		Thành tựu về VH – XH của Ấn Độ cổ đại	
8	15	Bài 8: Trung Quốc từ thời cổ đại đến thế kỉ VII	HS nắm được những đặc điểm tự nhiên của Trung Quốc cổ đại Trình bày được quá trình thống nhất và xcs lập chế độ phong kiến Trung Quốc	
	16	Ôn tập giữa kì I	HS nắm vững các đặc điểm về xã hội	

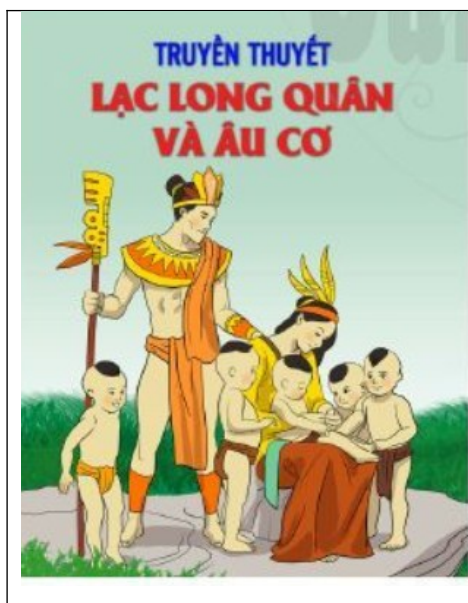
			nguyên thủy, các nhà nước cổ đại	
9	17	Kiểm tra giữa kì I		
	18			
10	19	Bài 8: Trung Quốc từ thời cổ đại đến thế kỉ VII	Giai đoạn phát triển của Trung Quốc đến thế kỷ VII	
11	20	Bài 9: Hy Lạp và La Mã cổ đại	HS nắm được những điều kiện ra đời của nhà nước Hy Lạp, Rô-ma cổ đại	
12	21	Bài 9: Hy Lạp và La Mã cổ đại	HS trình bày được tổ chức nhà nước và thành tựu văn hóa tiêu biểu	
13	22	Bài 10: Sự ra đời của các vương quốc ở Đông Nam Á (từ những thế kỉ tiếp giáp Công nguyên đến thế kỉ X)	Trình bày được sơ lược vị trí ĐNÁ, quá trình xuất hiện các quốc gia	
14	23	Bài 10: Sự ra đời của các vương quốc ở Đông Nam Á (từ những thế kỉ tiếp giáp Công nguyên đến thế kỉ X)	Nêu được sự hình thành và phát triển ban đầu của các quốc gia phong kiến từ thế kỉ VII đến thế kỷ X	
15	24	Bài 11: Giao lưu thương mại và văn hoá ở Đông Nam Á (từ đầu Công nguyên đến thế kỉ X)	HS phân tích được các tác động của quá trình giao lưu thương mại và văn hóa ở ĐNÁ từ đầu Công nguyên – thế kỷ X.	
16	25	Bài 11: Giao lưu thương mại và văn hoá ở Đông Nam Á (từ đầu Công nguyên đến thế kỉ X)		
17	26	Ôn tập cuối kì I	HS nắm được đặc điểm xã hội cổ đại, các quốc gia ĐNÁ từ công nguyên đến TK X Nắm được sự ra đời và những thành tựu về văn hóa của các nhà nước cổ đại. Sự ra đời và phát triển của các quốc gia ĐNÁ từ đầu Công nguyên.	
18	27	Bài 12: Nước Văn Lang	HS nêu được sự thành lập và phạm vi lãnh thổ của nước Văn Lang.	Kiểm tra cuối kì I ghi môn Địa lí

Ngày soạn: 4/9/2023

Ngày dạy: 7/9 & 9/9/2023

CHƯƠNG I. VÌ SAO PHẢI HỌC LỊCH SỬ

Tiết 1&2-Bài 1: LỊCH SỬ LÀ GÌ?



I. MỤC TIÊU (Học xong bài học, học sinh sẽ đạt được)

1. Về kiến thức:

- Nêu được khái niệm lịch sử và môn Lịch sử.
- Hiểu được lịch sử là những gì đã diễn ra trong quá khứ.
- Giải thích được vì sao cần thiết phải học môn lịch sử.

2. Về năng lực:

- Nêu được khái niệm lịch sử và môn lịch sử.
- Hiểu được lịch sử là những gì đã diễn ra trong quá khứ.
- Lí giải được vì sao cần học lịch sử.

3. Về phẩm chất:

- Tự hào về truyền thống lịch sử dân tộc, có ý thức trách nhiệm với cộng đồng.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

- SGK, SGV.
- Một số video, tranh ảnh liên quan đến nội dung bài học.
- Máy chiếu, máy tính
- Giấy A1 hoặc bảng phụ để HS làm việc nhóm.
- Phiếu học tập.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

Hoạt động 1: XÁC ĐỊNH VẤN ĐỀ

a) Mục tiêu: Giúp HS

- Kết nối kiến thức từ cuộc sống vào nội dung bài học.
- Xác định được vấn đề chính của nội dung bài học.

b) Nội dung:

GV đặt câu hỏi, HS trả lời.

HS quan sát ngữ liệu và trả lời câu hỏi của GV

c) Sản phẩm:

- HS chỉ nêu được ý nghĩa của hai câu thơ của Hồ Chí Minh.

d) Tổ chức thực hiện:

B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)

- GV trình chiếu 2 câu thơ của Hồ Chí Minh

Dân ta phải biết sử ta

Cho tường gốc tích nước nhà Việt Nam

? Em hãy cho biết ý nghĩa của hai câu thơ trên?

B2: Thực hiện nhiệm vụ

GV: Hướng dẫn HS quan sát, phân tích nội dung 2 câu thơ và trả lời câu hỏi.

HS đọc ngữ liệu, và trả lời câu hỏi của GV.

B3: Báo cáo thảo luận

GV:

- Yêu cầu HS đứng lên trả lời

HS:

- Đại diện trả lời câu hỏi

- HS còn lại theo dõi, nhận xét, bổ sung cho bạn (nếu cần).

B4: Kết luận, nhận định (GV)

- Nhận xét câu trả lời của HS và chốt kiến thức, chuyển dẫn vào hoạt động hình thành kiến thức mới.

- Viết tên bài, nêu mục tiêu chung của bài và dẫn vào HĐ tiếp theo.

HĐ 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI

1. Lịch sử và môn lịch sử là gì?

a) Mục tiêu: Giúp HS nêu được khái niệm lịch sử và bộ môn lịch sử.

b) Nội dung: GV đặt câu hỏi, HS trả lời câu hỏi của GV.

c) Sản phẩm: Câu trả lời đúng của HS.

- Sự kiện khởi nghĩa Hai Bà Trưng (40 – 43) là sự kiện lịch sử, vì sự kiện này đã xảy ra trong quá khứ và là một mốc lịch sử quan trọng của dân tộc.

- Từ đó rút ra được khái niệm lịch sử và môn lịch sử.

d) Tổ chức thực hiện

HĐ của thầy và trò	Sản phẩm dự kiến
B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV) - GV trình chiếu hình ảnh lễ hội của đền Hai Bà Trưng và đặt câu hỏi: ? Sự kiện khởi nghĩa Hai Bà Trưng (40 – 43) có phải là lịch sử không? Vì sao? ? Lịch sử và môn Lịch sử là gì? B2: Thực hiện nhiệm vụ GV hướng dẫn HS trả lời HS: - Quan sát ngữ liệu trong SGK để trả lời câu hỏi. - Suy nghĩ cá nhân để lấy ví dụ minh họa. B3: Báo cáo, thảo luận GV yêu cầu HS trả lời. HS trả lời câu hỏi của GV. B4: Kết luận, nhận định (GV) Nhận xét câu trả lời của HS và chốt kiến thức lên màn hình.	1. Lịch sử và môn lịch sử là gì? - <i>Lịch sử</i> là tất cả những gì đã xảy ra trong quá khứ. - <i>Môn lịch sử</i> là môn học tìm hiểu về lịch sử loài người và những hoạt động chính của con người trong quá khứ.

2. Vì sao cần phải học lịch sử?

a) Mục tiêu: Giúp HS giải thích được vì sao cần phải học lịch sử?

b) Nội dung:

- GV sử dụng KT khăn phủ bàn để tổ chức cho HS khai thác đơn vị kiến thức.
- HS suy nghĩ cá nhân, làm việc nhóm và hoàn thiện nhiệm vụ.

c) Sản phẩm: Phiếu học tập đã hoàn thành của HS.

d) Tổ chức thực hiện

HD của thầy và trò	Sản phẩm dự kiến
B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV) - Chia nhóm và giao nhiệm vụ: ? Em sinh ra trong một dòng họ, em có muốn biết về gia phả (cội nguồn) của dòng họ mình không? Em làm thế nào để biết điều đó ? ? Từ đó em hãy cho biết học lịch sử để làm gì? B2: Thực hiện nhiệm vụ HS suy nghĩ cá nhân và thảo luận nhóm. GV hướng dẫn, hỗ trợ các em thảo luận nhóm (nếu cần). B3: Báo cáo, thảo luận GV: - Yêu cầu HS trả lời, yêu cầu đại diện nhóm trình bày. - Hướng dẫn HS trình bày, nhận xét (nếu cần). HS: - Trả lời câu hỏi của GV. - Đại diện nhóm trình bày sản phẩm của nhóm. - HS các nhóm còn lại quan sát, theo dõi nhóm bạn trình bày và bổ sung cho nhóm bạn (nếu cần). B4: Kết luận, nhận định (GV) - Nhận xét về thái độ học tập & sản phẩm học tập của HS. - Chuyển dẫn sang phần luyện tập.	2. Vì sao cần phải học lịch sử? - Để hiểu được cội nguồn dân tộc. - Biết được tổ tiên, ông cha ta đã sống lao động và đấu tranh như thế nào để có được đất nước như ngày nay - Để biết những gì mà loài người làm trong quá khứ để xây dựng xã hội văn minh.

3. Dựa vào đâu để biết và dựng lại lịch sử?

HD của thầy và trò	Sản phẩm dự kiến
B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV) * Vòng chuyên sâu (7 phút) - Chia lớp ra làm 4 nhóm: - Yêu cầu các em ở mỗi nhóm đánh số 1,2,3,4... - Phát phiếu học tập & giao nhiệm vụ: Nhóm 1: Tìm hiểu về tư liệu hiện vật. Nhóm 2: Tìm hiểu về tư liệu chữ viết. Nhóm 3: Tìm hiểu về tư liệu truyền miệng. Nhóm 4: Tìm hiểu về tư liệu gốc. * Vòng mảnh ghép (8 phút) - Tạo nhóm mới (các em số 1 tạo thành nhóm I mới, số 2 tạo thành nhóm II mới, số 3 tạo thành nhóm III... mới & giao nhiệm vụ mới: 1. Chia sẻ kết quả thảo luận ở vòng	3. Dựa vào đâu để biết và dựng lại lịch sử? a. Tư liệu hiện vật - Là những di tích, đồ vật của người xưa còn giữ lại. VD:  Ngôi úp ở Hoàng Thành

chuyên sâu?

2. Nêu vai trò của các nguồn tư liệu trong việc tìm hiểu lịch sử?

B2: Thực hiện nhiệm vụ

*** Vòng chuyên sâu**

HS:

- Làm việc cá nhân 2 phút, ghi kết quả ra phiếu cá nhân.

- Thảo luận nhóm 5 phút và ghi kết quả ra phiếu học tập nhóm (phần việc của nhóm mình làm).

GV hướng dẫn HS thảo luận (nếu cần).

*** Vòng mảnh ghép (7 phút)**

HS:

- 3 phút đầu: Từng thành viên ở nhóm trình bày lại nội dung đã tìm hiểu ở vòng mảnh ghép.

- 5 phút tiếp: thảo luận, trao đổi để hoàn thành những nhiệm vụ còn lại.

GV theo dõi, hỗ trợ cho HS (nếu HS gặp khó khăn).

B3: Báo cáo, thảo luận

GV:

- Yêu cầu đại diện của một nhóm lên trình bày.

- Hướng dẫn HS trình bày (nếu cần).

HS:

- Đại diện 1 nhóm lên bày sản phẩm.

- Các nhóm khác theo dõi, quan sát, nhận xét, bổ sung (nếu cần) cho nhóm bạn.

B4: Kết luận, nhận định (GV)

- Nhận xét thái độ và kết quả làm việc của từng nhóm, chỉ ra những ưu điểm và hạn chế trong HĐ nhóm của HS.

- Chốt kiến thức và chuyển dẫn sang phần Luyện tập.



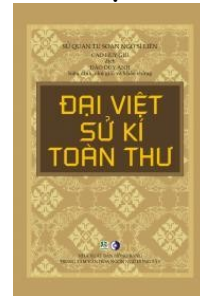
Đồ đồng

b. Tư liệu chữ viết

- Là những bản ghi, tài liệu chép tay hay sách được in, chữ được khắc trên bia đá...

VD:

- Các cuốn sách viết về lịch sử.



- Bia khắc chữ:



c. Tư liệu truyền miệng

- Là những câu chuyện dân gian: truyền thuyết, thần thoại, cổ tích... được kể từ đời này sang đời khác.

VD: Truyền thuyết Hồ gươm



- Truyền thuyết Thánh Gióng



d. Tư liệu gốc

- Là những tư liệu cung cấp thông tin đầu tiên và trực tiếp về sự kiện hoặc thời kì lịch sử đó. Đây là nguồn tư liệu đáng tin cậy nhất khi tìm hiểu lịch sử.

HĐ 3: LUYỆN TẬP

a) **Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức của bài học vào việc làm bài tập cụ thể

b) **Nội dung:** HS suy nghĩ cá nhân làm bài tập của GV giao

c) **Sản phẩm:**

Bài tập 1: Đáp án đúng của bài tập.

d) **Tổ chức thực hiện**

B1: Chuyển giao nhiệm vụ: Giáo viên giao bài tập cho HS

Bài tập 1: Trình bày khái niệm lịch sử và môn Lịch sử. Căn cứ vào đâu để biết và dựng lại lịch sử.

Bài tập 2: Học lịch sử có ý nghĩa như thế nào?

B2: Thực hiện nhiệm vụ

- HS xác định yêu cầu của đề bài và suy nghĩ cá nhân để làm bài tập

- GV hướng dẫn cho HS tìm hiểu đề và làm bài tập

B3: Báo cáo, thảo luận

- GV yêu cầu HS trình bày sản phẩm của mình.

- HS trình bày, theo dõi, nhận xét, đánh giá và bổ sung cho bài của bạn (nếu cần).

B4: Kết luận, nhận định: GV nhận xét bài làm của HS.

HĐ 4: VẬN DỤNG

a) **Mục tiêu:** Củng cố và mở rộng kiến thức nội dung của bài học cho HS

b) **Nội dung:** GV giao nhiệm vụ, HS thực hiện nhiệm vụ.

c) **Sản phẩm:** Bài làm của HS (HS chỉ ra được lịch sử của trường học, của ngôi làng, của di tích đền thờ... nơi mình sinh sống).

d) **Tổ chức thực hiện**

B1: Chuyển giao nhiệm vụ: (GV giao bài tập)

Bài tập: Quan sát hình 1.12 và cho biết:

- Đây là loại sử liệu gì?

- 3 thông tin mà em tìm hiểu được



B2: Thực hiện nhiệm vụ

- GV hướng dẫn các em tìm hiểu yêu cầu của đề.

- HS đọc và xác định yêu cầu của bài tập.

B3: Báo cáo, thảo luận

- GV hướng dẫn các em cách nộp sản phẩm cho GV sau khi hoàn thành.

- HS làm bài tập ra giấy và nộp lại cho GV qua hệ thống CNTT mà GV hướng dẫn.

B4: Kết luận, nhận định (GV)

- Nhận xét ý thức làm bài của HS, nhắc nhở những HS không nộp bài hoặc nộp bài không đúng qui định (nếu có).

- Dặn dò HS những nội dung cần học ở nhà và chuẩn bị cho bài học sau.



Ngày soạn: 11/9/2023

Ngày dạy: 14/9/2023

Tiết 3-Bài 2: THỜI GIAN TRONG LỊCH SỬ



I. MỤC TIÊU (Học xong bài học, học sinh sẽ đạt được)

1. Về kiến thức

- Biết được một số khái niệm và cách tính thời gian trong lịch sử: thập kỉ, thế kỉ, thiên niên kỉ, trước công nguyên, sau công nguyên, âm lịch, dương lịch
- Biết cách đọc và ghi các mốc thời gian trong lịch sử.

2. Về năng lực:

- Biết cách tính thời gian trong lịch sử.
- Hiểu được vì sao phải tính thời gian trong lịch sử.

3. Về phẩm chất:

- Trung thực trong tìm hiểu, học tập lịch sử.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

- SGK, SGV.
- Một số video, tranh ảnh liên quan đến nội dung bài học.
- Máy chiếu, máy tính
- Giấy A1 hoặc bảng phụ để HS làm việc nhóm.
- Phiếu học tập.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

Hoạt động 1: XÁC ĐỊNH VẤN ĐỀ

a) Mục tiêu: Giúp HS

- Kết nối kiến thức từ cuộc sống vào nội dung bài học.
- Xác định được vấn đề chính của nội dung bài học.

b) Nội dung:

GV trình chiếu video, đặt câu hỏi.

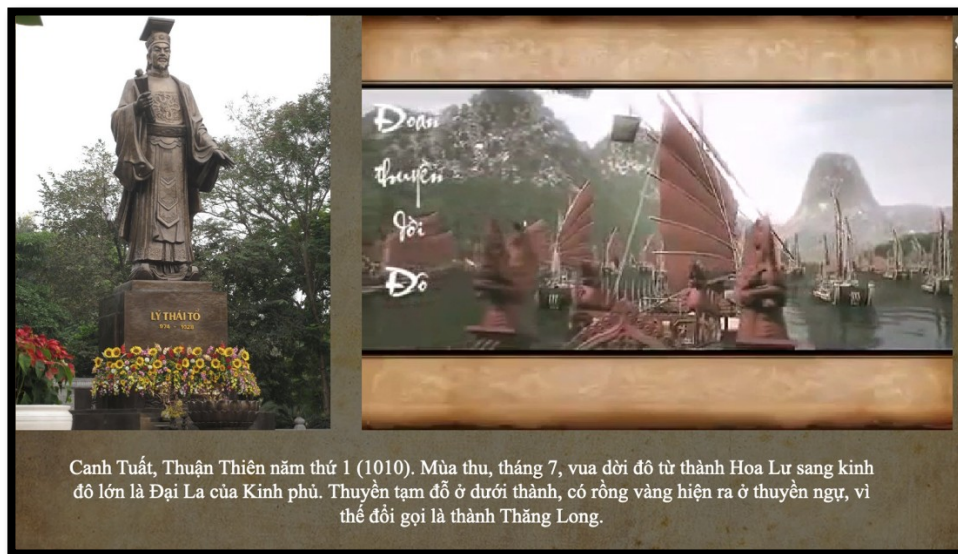
HS quan sát hình ảnh, trả lời câu hỏi của GV.

c) Sản phẩm: Câu trả lời đúng của HS

d) Tổ chức thực hiện:

B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)

- Chiếu hình ảnh về sự kiện năm 1010 và hỏi:



? Căn cứ vào thông tin nào trên hình ảnh để biết sự kiện này có trong lịch sử?

B2: Thực hiện nhiệm vụ

GV: Hướng dẫn HS quan sát, phân tích hình ảnh và trả lời câu hỏi.

HS: Quan sát hình ảnh và trả lời.

B3: Báo cáo thảo luận

GV:

- Yêu cầu HS lên trả lời câu hỏi.
- Các em còn lại theo dõi bạn trả lời và nhận xét, bổ sung cho bạn (nếu cần).

HS:

- Trả lời câu hỏi của GV và theo dõi, nhận xét, bổ sung cho bạn (nếu cần).

B4: Kết luận, nhận định (GV)

- Nhận xét câu trả lời của HS và chốt kiến thức, chuyển dẫn vào hoạt động hình thành kiến thức mới.
- Viết tên bài, nêu mục tiêu chung của bài và dẫn vào HĐ tiếp theo.

HĐ 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI

1. Vì sao phải xác định thời gian?

a) Mục tiêu: Giúp HS hiểu được vì sao phải xác định thời gian trong lịch sử?

b) Nội dung: GV đặt câu hỏi, HS trả lời câu hỏi của GV.

c) Sản phẩm: Câu trả lời đúng của HS.

d) Tổ chức thực hiện

HD của thầy và trò

Sản phẩm dự kiến

B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)

? Quan sát bảng thống kê và cho biết căn cứ vào những thông tin nào để sắp xếp các sự kiện trong quá khứ theo thứ tự thời gian?

Thời gian	Sự kiện
Năm 248	Khởi nghĩa Bà Triệu
Năm 938	Ngô Quyền đánh tan quân Nam Hán trên sông Bạch Đằng
Năm 1009	Nhà Lý thành lập
Năm 1288	Chiến thắng quân Nguyên trên sông Bạch Đằng.

? Từ đó em hãy cho biết vì sao phải xác định thời gian trong lịch sử?

B2: Thực hiện nhiệm vụ

GV hướng dẫn HS trả lời

HS:

- Quan sát bảng thống kê để trả lời câu hỏi.
- Suy nghĩ cá nhân và trả lời câu hỏi của GV.

B3: Báo cáo, thảo luận

GV yêu cầu HS trả lời.

HS trả lời câu hỏi của GV.

B4: Kết luận, nhận định (GV)

Nhận xét câu trả lời của HS và chốt kiến thức lên màn hình.

1. Vì sao phải xác định thời gian?

-Lịch sử loài người gồm nhiều sự kiện xảy ra vào những thời gian khác nhau. Muốn dựng lại lịch sử, phải sắp xếp tất cả các sự kiện trong quá khứ theo thứ tự thời gian

- Xác định thời gian xảy ra các sự kiện là nguyên tắc cơ bản trong việc tìm hiểu và học tập Lịch sử

2. Cách tính thời gian trong lịch sử như thế nào?

a) Mục tiêu: Giúp HS giải thích được vì sao cần phải học lịch sử?

b) Nội dung:

- GV sử dụng KT khăn phủ bàn để tổ chức cho HS khai thác đơn vị kiến thức.
- HS suy nghĩ cá nhân, làm việc nhóm và hoàn thiện nhiệm vụ.

c) Sản phẩm: Phiếu học tập đã hoàn thành của HS.

d) Tổ chức thực hiện

HD của thầy và trò	Sản phẩm dự kiến
B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV) - Chia nhóm và giao nhiệm vụ: ? Hãy cho biết cách tính thời gian trong lịch sử ? ? Từ đó em hãy lấy một ví dụ để tính thời gian trong lịch sử?  ? Nhìn vào tờ lịch em hãy cho biết ngày dương và ngày âm? B2: Thực hiện nhiệm vụ HS suy nghĩ cá nhân và thảo luận nhóm. GV hướng dẫn, hỗ trợ các em thảo luận nhóm (nếu cần). B3: Báo cáo, thảo luận GV: - Yêu cầu HS trả lời, yêu cầu đại diện nhóm trình bày. - Hướng dẫn HS trình bày, nhận xét (nếu cần). HS: - Trả lời câu hỏi của GV. - Đại diện nhóm trình bày sản phẩm của nhóm.	2. Cách tính thời gian trong lịch sử như thế nào? - Người xưa đã làm ra lịch: + Âm lịch: Theo sự di chuyển của mặt trăng quanh trái đất. + Dương lịch: Theo sự di chuyển của trái đất quanh mặt trời (còn gọi là công lịch). Chúa Giê Su ra đời TCN 1 SCN (+) CN (-) {thập kỉ: 10 năm; thế kỉ (100 năm), thiên niên kỉ (1000 năm)}. - Ở Việt Nam, Công lịch được dùng trong các cơ quan nhà nước, tuy nhiên âm lịch vẫn được dùng cho văn hoá và tâm linh, bởi vậy trên tờ lịch đều ghi rõ 2 ÂL và DL.

- HS các nhóm còn lại quan sát, theo dõi nhóm bạn trình bày và bổ sung cho nhóm bạn (nếu cần).

B4: Kết luận, nhận định (GV)

- Nhận xét về thái độ học tập & sản phẩm học tập của HS.

- Chuyển dẫn sang phần luyện tập.

HD 3: LUYỆN TẬP

a) Mục tiêu: Vận dụng kiến thức của bài học vào việc làm bài tập cụ thể

b) Nội dung: HS suy nghĩ cá nhân làm bài tập của GV giao

c) Sản phẩm:

Bài tập 1: Đáp án đúng của bài tập.

d) Tổ chức thực hiện

B1: Chuyển giao nhiệm vụ: Giáo viên giao bài tập cho HS

Bài tập 1: Muốn biết năm 2000 TCN cách ta bao nhiêu năm thì em tính như thế nào?

$2021 + 2000 = 4021$ năm

Bài tập 2: Muốn biết năm 1230 SCN cách 2021 bao nhiêu năm thì ta tính thế nào?

$2021 - 1230 = 791$ năm

→ Muốn biết năm TCN cách hiện tại thì làm phép cộng, muốn biết SCN cách hiện tại ta làm phép trừ.

B2: Thực hiện nhiệm vụ

- HS xác định yêu cầu của đề bài và suy nghĩ cá nhân để làm bài tập

- GV hướng dẫn cho HS tìm hiểu đề và làm bài tập

B3: Báo cáo, thảo luận

- GV yêu cầu HS trình bày sản phẩm của mình.

- HS trình bày, theo dõi, nhận xét, đánh giá và bổ sung cho bài của bạn (nếu cần).

B4: Kết luận, nhận định: GV nhận xét bài làm của HS.

HD 4: VẬN DỤNG

a) Mục tiêu: Củng cố và mở rộng kiến thức nội dung của bài học cho HS

b) Nội dung: GV giao nhiệm vụ, HS thực hiện nhiệm vụ.

c) Sản phẩm: Bài làm của HS (HS chỉ ra được lịch sử của trường học, của ngôi làng, của di tích đền thờ... nơi mình sinh sống).

d) Tổ chức thực hiện

B1: Chuyển giao nhiệm vụ: (GV giao bài tập)

Bài tập: Em hãy tìm hiểu năm xây dựng của công trình kiến trúc ở nơi em đang sinh sống hoặc một di chỉ lịch sử mà em biết và tính niên đại của nó?

B2: Thực hiện nhiệm vụ

- GV hướng dẫn các em tìm hiểu yêu cầu của đề.

- HS đọc và xác định yêu cầu của bài tập.

B3: Báo cáo, thảo luận

- GV hướng dẫn các em cách nộp sản phẩm cho GV sau khi hoàn thành.

- HS làm bài tập ra giấy và nộp lại cho GV qua hệ thống CNTT mà GV hướng dẫn.

B4: Kết luận, nhận định (GV)

- Nhận xét ý thức làm bài của HS, nhắc nhở những HS không nộp bài hoặc nộp bài không đúng qui định (nếu có).

- Dặn dò HS những nội dung cần học ở nhà và chuẩn bị cho bài học sau.

-----🏠📚-----

Ngày soạn: 18/9/2023

Ngày dạy: 16/9 & 19/9/2023

CHƯƠNG 2: THỜI NGUYÊN THỦY **TIẾT 4 & 5-BÀI 3: NGUỒN GỐC LOÀI NGƯỜI**

I. MỤC TIÊU

1. Về kiến thức

Thông qua bài học, HS nắm được:

- Giới thiệu được sơ lược quá trình tiến hóa từ vượn thành người trên Trái đất.
- Xác định được những dấu tích của Người tối cổ ở Đông Nam Á.
- Kể tên được những địa điểm tìm thấy dấu tích của Người tối cổ trên đất nước Việt Nam.

2. Năng lực

- **Năng lực chung:**
 - Giải quyết được những nhiệm vụ học tập một cách độc lập, theo nhóm và thể hiện sự sáng tạo.
 - Góp phần phát triển năng lực giao tiếp và hợp tác qua hoạt động nhóm và trao đổi công việc với giáo viên.
- **Năng lực riêng:**
 - Tìm hiểu lịch sử qua việc khai thác tư liệu, hình ảnh, lược đồ,...liên quan đến bài học.
 - Nhận thức lịch sử qua việc giải thích nguồn gốc loài người trên thế giới, ở Đông Nam Á cũng như ở Việt Nam.

3. Phẩm chất

- Giáo dục phẩm chất chăm chỉ trong học tập, lao động.
- Giáo dục phẩm chất tôn trọng lao động và tinh thần sáng tạo, có trách nhiệm.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Đối với giáo viên

- Giáo án, SGK, SGK Lịch sử và Địa lí 6.
- Tranh ảnh, lược đồ, tư liệu về nguồn gốc của loài người trên thế giới, ở Đông Nam Á và Việt Nam.
- Máy tính, máy chiếu (nếu có).

2. Đối với học sinh

- SGK Lịch sử và Địa lí 6.
- Tranh ảnh, tư liệu sưu tầm liên quan đến bài học (nếu có) và dụng cụ học tập theo yêu cầu của GV.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG

a. Mục tiêu: Tạo tâm thế hứng thú cho học sinh và từng bước làm quen bài học.

b. Nội dung: GV trình bày vấn đề, HS trả lời câu hỏi.

c. Sản phẩm học tập: HS lắng nghe và tiếp thu kiến thức.

d. Tổ chức thực hiện:

- GV kể tóm tắt cho HS nghe về truyền thuyết Con rồng cháu tiên và yêu cầu HS trả lời câu hỏi: Tất cả chúng ta có chung nguồn gốc không?

Truyền thuyết Con rồng cháu tiên: Xưa, ở miền đất Lạc Việt có một vị thần thuộc nòi Rồng, tên là Lạc Long Quân. Trong một lần lên cạn giúp dân diệt trừ yêu quái, Lạc Long Quân đã gặp và kết duyên cùng nàng Âu Cơ vốn thuộc dòng họ Thần Nông, sống ở vùng núi cao phương Bắc. Sau đó Âu Cơ có mang và đẻ ra cái bọc một trăm trứng. Sau đó, bọc trứng nở ra một trăm người con. Vì Lạc Long Quân không quen sống trên cạn nên hai người đã chia nhau người lên rừng, kẻ xuống biển, mỗi người mang năm mươi người con. Người con trưởng theo Âu Cơ, được lên lên làm vua, xưng là Hùng Vương, đóng đô ở đất Phong Châu, đặt tên nước là Văn Lang. Khi vua cha chết thì truyền ngôi cho con trưởng, từ đó về sau, cứ cha truyền con nối đến mười tám đời, đều lấy hiệu là Hùng Vương.

- HS tiếp nhận nhiệm vụ, trả lời câu hỏi: Tất cả chúng ta cùng chung một nguồn gốc.

- GV dẫn dắt vấn đề: Theo truyền thuyết từ xa xưa, tất cả chúng ta đều cùng chung một nguồn gốc, đều là con rồng cháu tiên. Tuy nhiên, xét về mặt khoa học lịch sử, Đã bao giờ em đặt câu hỏi loài người xuất hiện như thế nào? Đi tìm lời giải đáp cho câu hỏi này là vấn đề khoa học không bao giờ cũ. Nhiều nhà khoa học chấp nhận giả thiết con người xuất hiện đầu tiên ở châu Phi. Bắt đầu từ những bộ xương hoá thạch tìm thấy ở đây, các nhà khoa học đã dần khám phá bí ẩn về sự xuất hiện của loài người. Để tìm hiểu rõ hơn về những vấn đề này, chúng ta sẽ cùng tìm hiểu bài học ngày hôm nay - Bài 3: Nguồn gốc loài người.

B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

Hoạt động 1: Quá trình tiến hóa từ vượn thành người

a. Mục tiêu: Thông qua hoạt động, HS giới thiệu được sơ lược quá trình tiến hóa từ vượn người thành người trên Trái đất.

b. Nội dung: GV trình bày vấn đề;HS lắng nghe, đọc SGK và trả lời câu hỏi.

c. Sản phẩm học tập: HS làm việc cá nhân và trả lời câu hỏi.

d. Tổ chức hoạt động:

HOẠT ĐỘNG CỦA GIÁO VIÊN - HỌC SINH	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập - GV giới thiệu kiến thức: Con người đã trải qua quá trình tiến hoá hàng triệu năm. Những dấu tích xương hoá thạch cổ xưa nhất được tìm thấy ở nhiều nơi trên thế giới như Đông Phi, Đông Nam Á, Đông Bắc Á,.. - GV yêu cầu HS quan sát Hình 3.1 SGK trang 12 và trả lời câu hỏi: Cho biết quá trình tiến hóa từ vượn thành người trên Trái đất diễn ra như thế nào? Nêu đặc điểm tiến hóa về cấu tạo cơ thể của vượn người, Người tối cổ, Người tinh khôn.	1. Quá trình tiến hóa từ vượn thành người - Quá trình tiến hóa từ vượn thành người trên Trái đất diễn ra qua ba giai đoạn: + Cách đây khoảng từ 5-6 triệu năm, ở chặng đầu của quá trình tiến hoá, có một loài vượn khá giống người đã xuất hiện, được gọi là Vượn người. + Trải qua quá trình tiến hoá, khoảng 4 triệu năm trước, một nhánh Vượn người đã tiến hóa thành Người tối cổ. + Người tối cổ trải qua quá trình tiến hóa, vào khoảng 150.000 năm trước, Người tinh khôn xuất hiện, đánh dấu quá trình chuyển biến từ vượn người thành người đã hoàn thành. - Điểm tiến hóa về cấu tạo cơ thể của vượn người, Người tối cổ, Người tinh khôn: + Vượn người: Di chuyển bằng hai chi sau, thể tích hộp sọ trung

- GV yêu cầu HS đọc thông tin mục Góc khám phá, quan sát Hình 3.2, 3.3 SGK trang 14 và trả lời câu hỏi: Những phát hiện khảo cổ về người Nê-an-đéc-tan, Cô gái Lu-cy có ý nghĩa như thế nào trong việc giải thích nguồn gốc và quá trình tiến hóa của loài người? - GV yêu cầu HS trả lời câu hỏi : Phần lớn người châu Phi có làn da đen, người châu Á có làn da  Hình 3.2. Bộ xương phục chế "Người Nê-an-đéc-tan"  Hình 3.3. Bộ xương hoá thạch "Cô gái Lu-cy" vàng, còn người châu Âu có làn da trắng, liệu họ có chung một nguồn gốc hay không? - GV mở rộng kiến thức: Có nhiều quan niệm khác nhau về nguồn gốc loài người. Có những quan niệm mang tính khoa học, có những quan niệm mang tính tôn giáo, truyền thuyết (ví dụ quan niệm của nhà khoa học Đác-uyn, quan niệm của Đạo thiên chúa, câu chuyện về con Rồng cháu Tiên của người Việt). Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập - GV hướng dẫn, HS đọc SGK và thực hiện yêu cầu. - GV theo dõi, hỗ trợ HS nếu cần thiết. Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận - GV gọi HS trả lời câu hỏi. - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung. Bước 4: Đánh giá kết quả, thực hiện nhiệm vụ học tập GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức, chuyển sang nội dung mới.	bình 400 cm^3 + Người tối cổ: Hoàn toàn đi đứng bằng hai chân, thể tích hộp sọ trung bình 650 cm^3 đến 1200 cm^3. + Người tinh khôn: Hình dáng, cấu tạo cơ thể cơ bản giống người ngày nay, còn được gọi là Người hiện đại. Thể tích hộp sọ trung bình khoảng 1400 cm^3. - Những phát hiện khảo cổ về người Nê-an-đéc-tan, Cô gái Lu-cy có ý nghĩa trong việc giải thích nguồn gốc và quá trình tiến hóa của loài người: + Người Nê-an-đéc-tan: chứng minh đây là hóa thạch của người nguyên thủy có niên đại khoảng 100.000 năm trước. + Cô gái Lu-cy: bộ xương hóa thạch của người phụ nữ có niên đại khoảng 3,2 triệu năm trước, thuộc Đông Phi. - Châu Phi là nơi con người xuất hiện sớm nhất, di cư qua các châu lục, môi trường sống khác nhau, cơ thể biến đổi thích nghi với môi trường. Tuy nhiên họ vẫn chung một nguồn gốc.
--	--

Hoạt động 2: Dấu tích của Người tối cổ ở Đông Nam Á

- a. **Mục tiêu:** Thông qua hoạt động, HS xác định được những dấu tích của Người tối cổ ở Đông Nam Á.
- b. **Nội dung:** GV trình bày vấn đề;HS lắng nghe, đọc SGK và trả lời câu hỏi.
- c. **Sản phẩm học tập:** HS làm việc cá nhân và trả lời câu hỏi.
- d. **Tổ chức hoạt động:**

HOẠT ĐỘNG CỦA GIÁO VIÊN - HỌC SINH	DỰ KIẾN SẢN PHẨM												
Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập - GV giới thiệu kiến thức: Cuối thế kỉ XIX, trên đảo Gia-va (In-đô-nê-xi-a), các nhà khảo cổ học đã phát hiện được một số mẫu xương hoá thạch của Người tối cổ có niên đại khoảng 2 triệu năm trước và đặt tên là “Người Gia-va”. Bên cạnh đó, ở nhiều nơi khác trong khu vực Đông Nam Á, nhiều di cốt hoá thạch, di chỉ đồ đá gắn với giai đoạn Người tối cổ cũng được tìm thấy. - GV yêu cầu HS quan sát Bảng các dấu tích Người tối cổ ở Đông Nam Á SGK trang 14 và trả lời câu hỏi: Hãy cho biết những dấu tích của Người tối cổ ở Đông Nam Á <table border="1"> <thead> <tr> <th>Hiện vật</th><th>Nơi tìm thấy</th></tr> </thead> <tbody> <tr> <td rowspan="4">1. Di cốt hoá thạch</td><td>Pôn-a-ung (Mi-an-ma)</td></tr> <tr> <td>Gia-va (In-đô-nê-xi-a)</td></tr> <tr> <td>Sa-ra-wak (Ma-lay-xi-a)</td></tr> <tr> <td>Thăm Khuyên, Thăm Hai (Việt Nam)</td></tr> <tr> <td rowspan="4">2. Di chỉ đồ đá</td><td>A-ny-át (Mi-an-ma)</td></tr> <tr> <td>Lang Spi-an (Cam-pu-chia)</td></tr> <tr> <td>Kô-ta Thăm-pan (Ma-lay-xi-a)</td></tr> <tr> <td>An Khê, Núi Đọ, Xuân Lộc (Việt Nam)</td></tr> </tbody> </table> GV mở rộng kiến thức: Đông Nam Á có điều kiện tự nhiên thuận lợi, có nhiều sông suối, đất đai phì nhiêu, màu mỡ, khí hậu nóng ẩm. Vì vậy, khu vực này rất thuận lợi cho việc trồng trọt (nông nghiệp trồng lúa), chăn nuôi, đánh bắt. Vượn người vì thế đã xuất hiện ở đây từ rất sớm và cũng bước tiến hóa thành Người tối cổ, Người tinh khôn. Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập - GV hướng dẫn, HS đọc SGK và thực hiện yêu cầu. - GV theo dõi, hỗ trợ HS nếu cần thiết. Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận - GV gọi HS trả lời câu hỏi. - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung. Bước 4: Đánh giá kết quả, thực hiện nhiệm vụ học tập GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức, chuyển sang nội dung mới.	Hiện vật	Nơi tìm thấy	1. Di cốt hoá thạch	Pôn-a-ung (Mi-an-ma)	Gia-va (In-đô-nê-xi-a)	Sa-ra-wak (Ma-lay-xi-a)	Thăm Khuyên, Thăm Hai (Việt Nam)	2. Di chỉ đồ đá	A-ny-át (Mi-an-ma)	Lang Spi-an (Cam-pu-chia)	Kô-ta Thăm-pan (Ma-lay-xi-a)	An Khê, Núi Đọ, Xuân Lộc (Việt Nam)	2. Dấu tích của Người tối cổ ở Đông Nam Á - Những dấu tích của Người tối cổ ở Đông Nam Á: đảo Gia-va (In-đô-nê-xi-a); Pôn-a-ung (Mi-an-ma), Sa-ra-wak (Ma-lay-xi-a); Gia Lai, Đồng Nai, Thăm Khuyên, Thăm Hai (Việt Nam),...
Hiện vật	Nơi tìm thấy												
1. Di cốt hoá thạch	Pôn-a-ung (Mi-an-ma)												
	Gia-va (In-đô-nê-xi-a)												
	Sa-ra-wak (Ma-lay-xi-a)												
	Thăm Khuyên, Thăm Hai (Việt Nam)												
2. Di chỉ đồ đá	A-ny-át (Mi-an-ma)												
	Lang Spi-an (Cam-pu-chia)												
	Kô-ta Thăm-pan (Ma-lay-xi-a)												
	An Khê, Núi Đọ, Xuân Lộc (Việt Nam)												

Hoạt động 3: Dấu tích của Người tối cổ ở Việt Nam

- a. **Mục tiêu:** Thông qua hoạt động, HS xác định được những dấu tích của Người tối cổ trên đất nước Việt Nam.
- b. **Nội dung:** GV trình bày vấn đề;HS lắng nghe, đọc SGK, thảo luận và trả lời câu hỏi.
- c. **Sản phẩm học tập:** HS làm việc cá nhân, làm việc nhóm và trả lời câu hỏi.
- d. **Tổ chức hoạt động:**

HOẠT ĐỘNG CỦA GIÁO VIÊN - HỌC SINH	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập - GV giới thiệu kiến thức: Tại Việt Nam, những dấu tích của Người tối cổ được phát hiện	3.Dấu tích của Người tối cổ ở Việt Nam - Một số dấu tích của Người tối cổ ở Việt Nam: Thăm Khuyên, Thăm Hai (Lạng Sơn),

có niên đại sớm nhất từ khoảng 800.000 năm trước.

- GV yêu cầu HS thảo luận theo nhóm, quan sát Lược đồ Hình 3.4 và trả lời câu hỏi:

+ Nêu một số dấu tích của Người tối cổ ở Việt Nam.

+ Nhận xét về phạm vi phân bố của các dấu tích Người tối cổ ở Việt Nam.

- GV giới thiệu kiến thức:

+ Ở các hang Thẩm Khuyên, Thẩm Hai (Lạng Sơn), trong lớp đất chứa nhiều than, xương động

vật cổ cách đây khoảng 40 - 30 vạn năm, giới khảo cổ học phát hiện được những chiếc răng của Người tối cổ. Tại Núi Đọ (Thanh Hoá), Xuân Lộc (Đồng Nai),... các nhà khảo cổ học phát hiện được nhiều công cụ đá ghè đẽo thô sơ dùng để chặt, đập; nhiều mảnh đá ghè mỏng ở nhiều chỗ. Trải qua hàng chục vạn năm lao động, Người tối cổ đã mở rộng địa bàn sinh sống ra nhiều nơi như: Thẩm Ồm (Nghệ An), hang Hùm (Yên Bái), Thung Lang (Ninh Bình), Kéo Lèng (Lạng Sơn),...

+ Cách ngày nay khoảng 3 - 2 vạn năm, Người tối cổ ở Việt Nam tiến hoá thành Người tinh khôn. Dấu tích của Người tinh khôn được tìm thấy ở mái đá Ngườm (Thái Nguyên), Sơn Vi (Phú Thọ) và nhiều nơi khác thuộc Lai Châu, Sơn La, Bắc Giang, Thanh Hoá, Nghệ An,... Công cụ chủ yếu của họ là những chiếc rìu bằng hòn cuội, được ghè đẽo thô sơ, có hình thù rõ ràng.

+ Di tích Núi Đọ (Thanh Hoá) là bằng chứng về sự có mặt của những chủ nhân sớm nhất trên lãnh thổ Việt Nam vào thời kì tổ chức xã hội loài người đang hình thành. Tại Núi Đọ, người ta đã tìm thấy hàng vạn công cụ đồ đá cũ. Người nguyên thuỷ khai thác đá gốc (ba-dan) ở sườn núi, ghè đẽo thô sơ, tạo nên những công cụ chặt, rìu tay, nạo,... bỏ lại nơi chế tác những mảnh đá vỡ.

Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập

- GV hướng dẫn, HS đọc SGK, thảo luận và



Núi Đọ (Thanh Hóa), An Khê (Gia Lai), Xuân Lộc (Đồng Nai).

- Nhận xét về phạm vi phân bố của các dấu tích Người tối cổ ở Việt Nam: xuất hiện ở cả miền núi và đồng bằng trên lãnh thổ của Việt Nam ngày nay.

thực hiện yêu cầu. - GV theo dõi, hỗ trợ HS nếu cần thiết. Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận - GV gọi HS trả lời câu hỏi. - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung. Bước 4: Đánh giá kết quả, thực hiện nhiệm vụ học tập GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức.	
---	--

C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

a. Mục tiêu: Củng cố lại kiến thức đã học thông qua dạng câu hỏi lý thuyết.

b. Nội dung: HS sử dụng SGK, kiến thức đã học, GV hướng dẫn (nếu cần thiết) để trả lời câu hỏi.

c. Sản phẩm học tập: Câu trả lời của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

- GV yêu cầu HS trả lời câu hỏi 2 phần Luyện tập SGK trang 16.

- HS tiếp nhận nhiệm vụ, đưa ra câu trả lời: Căn cứ vào những thông tin khảo cổ để khẳng định rằng khu vực Đông Nam Á (trong đó có Việt Nam) là một trong những nơi con người xuất hiện từ rất sớm:

- Đông Nam Á: cuối thế kỉ XIX, trên đảo Gia-va (In-đô-nê-xi-a), các nhà khảo cổ học đã phát hiện được một số mẫu xương hoá thạch của Người tối cổ có niên đại khoảng 2 triệu năm trước và đặt tên là “Người Gia-va”. Bên cạnh đó, ở nhiều nơi khác trong khu vực Đông Nam Á, nhiều di cốt hoá thạch, di chỉ đồ đá gắn với giai đoạn Người tối cổ cũng được tìm thấy.

- Việt Nam: những dấu tích của Người tối cổ được phát hiện có niên đại sớm nhất từ khoảng 800.000 năm trước.

- GV nhận xét, chuẩn kiến thức.

D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

a. Mục tiêu: Củng cố lại kiến thức đã học thông qua dạng câu hỏi thực hành.

b. Nội dung: HS sử dụng SHS, kiến thức đã học, kiến thức và hiểu biết thực tế, GV hướng dẫn (nếu cần thiết) để trả lời câu hỏi.

c. Sản phẩm học tập: Câu trả lời của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

- GV yêu cầu HS trả lời câu hỏi 3 phần Vận dụng SHS trang 16.

- HS tiếp nhận nhiệm vụ, đưa ra câu trả lời: Lấy chủ đề về những chiếc rìu đá đầu tiên của nhân loại (hình 3.5 và hình 3.6), phát biểu cảm nghĩ của em về óc sáng tạo, tinh thần lao động cần mẫn, kiên trì của Người tối cổ: Người tối cổ đã kiên trì gò, dẻo một mặt mảnh đá để làm công cụ lao động sản xuất của mình.

- GV nhận xét, chuẩn kiến thức.



IV. Kế hoạch đánh giá

Hình thức đánh giá	Phương pháp đánh giá	Công cụ đánh giá	Ghi chú
Đánh giá thường xuyên (GV đánh giá HS, HS đánh giá HS)	- Vấn đáp. - Kiểm tra viết, kiểm tra thực hành.	- Các loại câu hỏi vấn đáp.	



Ngày soạn: 20/9/2023

Ngày dạy: 22/9 & 26/9/2023

Tiết 6&7-BÀI 4: XÃ HỘI NGUYÊN THỦY

I. MỤC TIÊU (Học xong bài học, học sinh sẽ đạt được)

1. Về kiến thức:

- Mô tả được sơ lược các giai đoạn tiến triển của xã hội nguyên thủy.
- Nhận biết được vai trò của lao động đối với quá trình phát triển của người nguyên thủy cũng như của con người và xã hội loài người.
- Trình bày được những nét chính về đời sống vật chất, tinh thần và tổ chức xã hội của con người thời nguyên thủy.
- Nêu được đôi nét về đời sống của người nguyên thủy trên đất nước Việt Nam.

2. Về năng lực:

- Năng lực hợp tác.
- Năng lực tư duy sáng tạo.
- Năng lực tự tìm hiểu tìm hiểu lịch sử.
- Năng lực vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học.

3. Về phẩm chất:

- Tự hào về truyền thống lịch sử dân tộc, có ý thức trách nhiệm với cộng đồng.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

- SGK, SGV.
- Một số tranh ảnh liên quan đến nội dung bài học.
- Máy chiếu, máy tính
- Giấy A1 hoặc bảng phụ để HS làm việc nhóm.
- Phiếu học tập.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

Hoạt động 1: XÁC ĐỊNH VẤN ĐỀ

a) Mục tiêu: Giúp HS

- Kết nối kiến thức từ cuộc sống vào nội dung bài học.
- Xác định được vấn đề chính của nội dung bài học.

b) Nội dung:

GV: Chia nhóm lớp và giao nhiệm vụ.

HS nhận mảnh ghép, làm việc nhóm để hoàn chỉnh một bức hình

c) Sản phẩm:

- HS hoàn chỉnh bức bích họa, giới thiệu về bức bích họa là minh chứng cho đời sống tinh thần của người nguyên thủy.

d) Tổ chức thực hiện:

B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)

- Mỗi nhóm nhận 4 mảnh ghép và ghép thành bức họa hoàn chỉnh.

B2: Thực hiện nhiệm vụ học tập

- HS có 1 phút quan sát kĩ 4 mảnh ghép và ghép thành bức họa hoàn chỉnh. Và ghi nhanh ý nghĩa của bức họa vào bảng nhóm (Giấy 4)

B3: Báo cáo thảo luận

GV:

- Yêu cầu đại diện của một vài nhóm lên trình bày sản phẩm.
- Hướng dẫn HS báo cáo (nếu các em còn gặp khó khăn).

HS:

- Đại diện báo cáo sản phẩm nhóm
- HS còn lại theo dõi, nhận xét, bổ sung cho nhóm bạn (nếu cần).

B4: Kết luận, nhận định.

- Nhận xét (hoạt động nhóm của HS và sản phẩm), chốt kiến thức, chuyển dẫn vào hoạt động hình thành kiến thức mới.
- Viết tên bài, nêu mục tiêu chung của bài và dẫn vào HĐ tiếp theo.

HĐ 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI

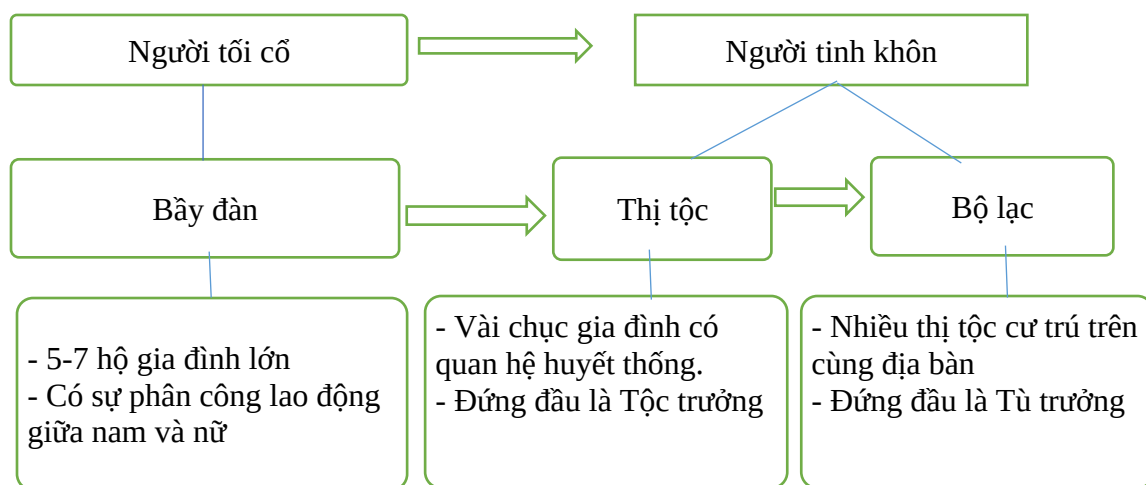
1. Tổ chức xã hội nguyên thủy.

a) Mục tiêu: Giúp HS mô tả sơ lược các giai đoạn tiến triển của xã hội nguyên thủy.

b) Nội dung:

Hs: Quan sát sơ đồ mô phỏng tổ chức xã hội của người nguyên thủy (H 4.2) đọc tài liệu (kênh chữ SGK) để tìm ra kiến thức mới dưới sự hướng dẫn của GV.

GV: Hướng dẫn học sinh khai thác sơ đồ (H 4.2), đọc tài liệu (kênh chữ SGK) để trả lời câu hỏi và lĩnh hội kiến thức mới.



Hình 4.2. Sơ đồ mô phỏng tổ chức xã hội của người nguyên thủy

c) Sản phẩm:

***Dự kiến sản phẩm của học sinh**

NV1. Xã hội nguyên thủy đã trải qua những giai đoạn nào?

Xã hội nguyên thủy đã trải qua những giai đoạn: Từ bầy đàn chuyển lên thị tộc, bộ lạc.

NV2. Mỗi quan hệ của con người trong xã hội nguyên thủy? So với mỗi quan hệ của con người trong xã hội hiện đại?

Mỗi quan hệ của con người trong xã hội nguyên thủy:

- + Giai đoạn bầy đàn đó là mối quan hệ giản đơn 5-7 gia đình lớn.
- + Giai đoạn thị tộc là quan hệ huyết thống.
- + Giai đoạn bộ lạc là mối quan hệ cộng đồng.

d) Tổ chức thực hiện

HĐ của thầy và trò	Sản phẩm dự kiến
Nhiệm vụ 1: B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV) Dựa vào hình 4.2 và kiến thức đã tìm hiểu được, em hãy cho biết: ? Xã hội nguyên thủy đã trải qua những giai đoạn nào? B2: Thực hiện nhiệm vụ HS đọc SGK, thu thập thông tin. B3: Báo cáo, thảo luận GV yêu cầu đại diện học sinh trình bày – tương tác với các bạn khác.	1. Tổ chức xã hội nguyên thủy - Bầy người nguyên thủy đã tổ chức xã hội của mình từ bầy đàn chuyển lên thị tộc, bộ lạc. - Mỗi quan hệ của con người trong xã hội nguyên thủy: + Giai đoạn bầy đàn đó là mối quan hệ giản đơn 5-7 gia đình lớn. + Giai đoạn thị tộc là quan hệ huyết thống. + Giai đoạn thị tộc là mối quan hệ cộng đồng

B4: Kết luận, nhận định (GV) Nhận xét câu trả lời của HS và chốt kiến thức lên màn hình. Nhiệm vụ 2: B1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập Quan sát hình 4.2 và ngữ liệu SGK, hãy cho biết mối quan hệ của con người trong xã hội nguyên thủy là như thế nào? Có gì giống và khác với quan hệ của con người trong xã hội hiện đại? B2: Thực hiện nhiệm vụ học tập HS đọc SGK, thu thập thông tin Trình bày ý kiến cá nhân vào phiếu học tập dưới sự hướng dẫn của Gv B3: Báo cáo thảo luận Hs báo cáo sản phẩm của nhóm bằng việc dán phiếu học tập của nhóm lên bảng. Đại diện nhóm trình bày sản phẩm – tương tác với nhóm bạn B4: Kết luận, nhận định Nhóm Hs đánh giá nhóm bạn GV đánh giá việc thực hiện nhiệm vụ của các nhóm HS, chuẩn xác kiến thức và chuyển sang hoạt động tiếp theo	
HOẠT ĐỘNG 2: Đời sống của người nguyên thủy	
a) Mục tiêu: Giúp HS - Trình bày được những nét chính về đời sống vật chất, tinh thần và tổ chức xã hội của con người thời nguyên thủy. - Nêu được đôi nét về đời sống của người nguyên thủy trên đất nước Việt Nam. - Nhận biết được vai trò của lao động đối với quá trình phát triển của người nguyên thủy cũng như của con người và xã hội loài người. b) Nội dung: Hs: Quan sát tranh ảnh về đời sống vật chất, đời sống tinh thần của người tối cổ, người tinh khôn và người nguyên thủy trên đất nước Việt Nam, đọc tài liệu (kênh chữ SGK) để tìm ra kiến thức mới dưới sự hướng dẫn của GV. - GV sử dụng KT mảnh ghép cho HS thảo luận và KT đặt câu hỏi để hỏi. - Hs làm việc cá nhân, làm việc nhóm và trình bày sản phẩm.	



c) Sản phẩm: Câu trả lời và sản phẩm nhóm của HS

Đời sống của người nguyên thủy		
Đời sống vật chất	Đời sống tinh thần	Đời sống của người nguyên thủy ở Việt Nam
- Công cụ lao động: biết dùng lửa, tạo ra lửa, rìu đá, lưỡi cuốc, đồ đựng bằng gốm... - Cách thức lao động: Trồng trọt, chăn nuôi... - Địa bàn cư trú: Ở ven sông suối.	- Đời sống tinh thần phong phú. + Tâm linh: họ quan niệm mọi vật đều có tâm linh, sùng bái "vật tổ"; chôn người chết. + Nghệ thuật: biết làm, dùng đồ trang sức... - Biết sử dụng nhạc cụ...	*Đời sống vật chất: - Công cụ lao động bằng đá, và nhiều công cụ, vật dụng mới... - Cách thức lao động: trồng trọt, chăn nuôi... - Địa bàn cư trú: ổn định, mở rộng. *Đời sống tinh thần: phong phú, độc đáo: Khắc trên vách hang động...

d) Tổ chức thực hiện

HĐ của thầy và trò	Sản phẩm dự kiến
B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV) * Vòng chuyên sâu (7 phút) - Chia lớp ra làm 3 nhóm: - Yêu cầu các em ở mỗi nhóm đánh số 1,2,3... - Phát phiếu học tập & giao nhiệm vụ: Nhóm 1: Tìm hiểu về đời sống vật chất của người nguyên thủy. Nhóm 2: Tìm hiểu về đời sống tinh thần của người nguyên thủy Nhóm 3: Tìm hiểu về đời sống của người nguyên thủy ở Việt Nam. * Vòng mảnh ghép (8 phút) - Tạo nhóm mới (các em số 1 tạo thành nhóm I mới, số 2 tạo thành nhóm II mới, số 3 tạo thành nhóm III... mới & giao nhiệm vụ mới: 1. Chia sẻ kết quả thảo luận ở vòng chuyên sâu? 2. Trình bày được những nét chính về đời sống vật chất, tinh thần và tổ chức xã hội của con người thời nguyên thủy? - Nêu được đôi nét về đời sống của người nguyên thủy trên đất nước Việt Nam?	1. Đời sống vật chất của người nguyên thủy. - Công cụ lao động: biết dùng lửa, tạo ra lửa, rìu đá, lưỡi cuốc, đồ đựng bằng gốm... - Cách thức lao động: Trồng trọt, chăn nuôi... - Địa bàn cư trú: Ở ven sông suối.
B2: Thực hiện nhiệm vụ * Vòng chuyên sâu HS: - Làm việc cá nhân 2 phút, ghi kết quả ra phiếu cá nhân. - Thảo luận nhóm 5 phút và ghi kết quả ra phiếu học tập nhóm (phần việc của nhóm mình làm). GV hướng dẫn HS thảo luận (nếu cần). * Vòng mảnh ghép (8 phút) HS: - 3 phút đầu: Từng thành viên ở nhóm trình bày lại nội dung đã tìm hiểu ở vòng mảnh ghép. - 5 phút tiếp: thảo luận, trao đổi để hoàn thành những nhiệm vụ còn lại. GV theo dõi, hỗ trợ cho HS (nếu HS gặp khó khăn).	2. Đời sống tinh thần của người nguyên thủy. - Đời sống tinh thần phong phú. + Tâm linh: họ quan niệm mọi vvtj đều cods tâm linh, sùng bái “vật tổ”; chôn người chết. + Nghệ thuật: biết làm, dùng đồ trang sức...Biết sử dụng nhạc cụ... 3. Đời sống của người nguyên thủy ở Việt Nam *Đời sống vật chất: - Công cụ lao động: bắn đá, và nhiều công cụ, vật dụng mới... - Cách thức lao động: trồng trọt, chăn nuôi... - Địa bàn cư trú: ổn định, mở rộng. *Đời sống tinh thần: phong phú, độc đáo: Khắc trên vách hang động...

B3: Báo cáo, thảo luận

GV:

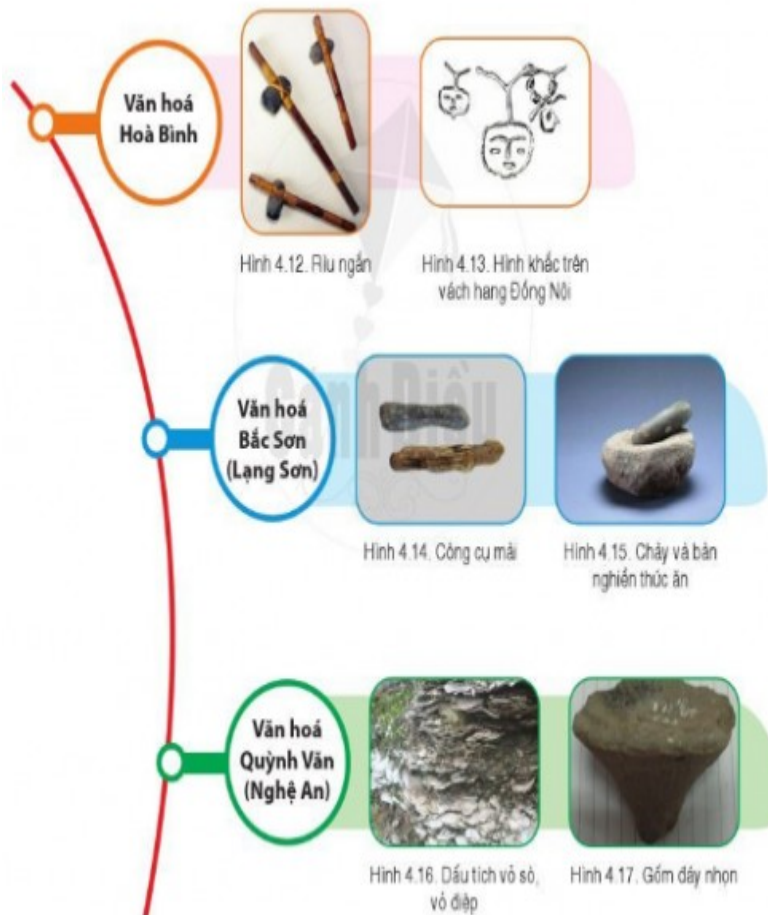
- Yêu cầu đại diện của một nhóm lên trình bày.
- Hướng dẫn HS trình bày (nếu cần).

HS:

- Đại diện 1 nhóm lên bày sản phẩm.
- Các nhóm khác theo dõi, quan sát, nhận xét, bổ sung (nếu cần) cho nhóm bạn.

B4: Kết luận, nhận định (GV)

- Nhận xét thái độ và kết quả làm việc của từng nhóm, chỉ ra những ưu điểm và hạn chế trong HĐ nhóm của HS.
- Chốt kiến thức và chuyển dẫn sang phần Luyện tập.



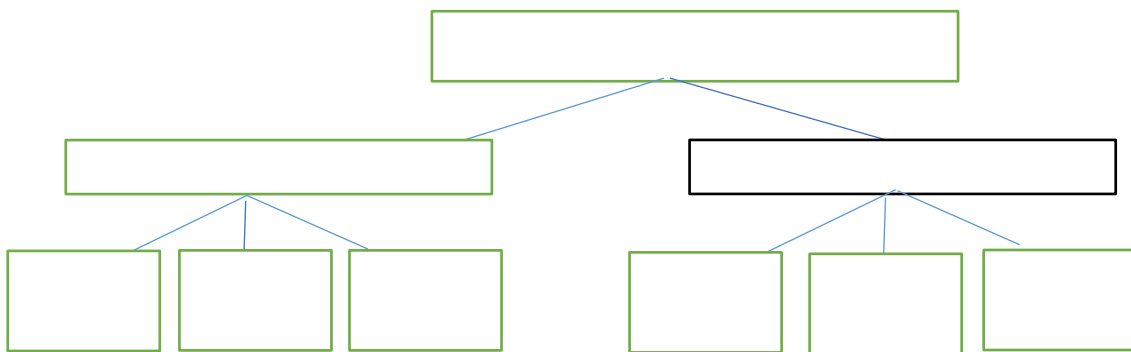
HĐ 3: Luyện tập

a) **Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức của bài học vào việc làm bài tập cụ thể

b) **Nội dung:** HS suy nghĩ cá nhân làm bài tập của GV giao

c) **Sản phẩm:** Đáp án đúng của bài tập.

Bài tập 1: Vẽ sơ đồ tư duy về đời sống người nguyên thủy?



Bài tập 2: Trình bày đời sống vật chất và tinh thần của người nguyên thủy ở Việt Nam

Gợi ý trả lời

Đời sống vật chất và tinh thần của người nguyên thủy ở Việt Nam

• Đời sống vật chất:

Người nguyên thủy đã có những bước tiến trong chế tạo công cụ đá và sáng tạo thêm nhiều công cụ, vật dụng mới.

Họ biết trồng trọt và chăn nuôi gia súc, quần tụ thành thị tộc, bộ lạc.

• Đời sống tinh thần:

Biết làm đồ trang sức bằng vỏ ốc, vỏ điệp.

Biết viết lên vách những hình mô tả cuộc sống.

d) Tổ chức thực hiện

B1: Chuyển giao nhiệm vụ: Giáo viên giao bài tập cho HS

Bài tập 1: Vẽ sơ đồ tư duy về đời sống người nguyên thủy?

Bài tập 2: Trình bày đời sống vật chất và tinh thần của người nguyên thủy ở Việt Nam ?

B2: Thực hiện nhiệm vụ

- HS xác định yêu cầu của đề bài và suy nghĩ cá nhân để làm bài tập
- GV hướng dẫn cho HS tìm hiểu đề và làm bài tập

B3: Báo cáo, thảo luận

- GV yêu cầu HS trình bày sản phẩm của mình.
- HS trình bày, theo dõi, nhận xét, đánh giá và bổ sung cho bài của bạn (nếu cần).

B4: Kết luận, nhận định: GV nhận xét bài làm của HS.

HD 4: Vận dụng

a) Mục tiêu: Củng cố và mở rộng kiến thức nội dung của bài học cho HS

b) Nội dung: GV giao nhiệm vụ, HS thực hiện nhiệm vụ.

c) Sản phẩm: Bài làm của HS (HS phát biểu cảm nhận về vai trò của lao động đối với bản thân, gia đình và xã hội ngày nay).

Gợi ý trả lời

Lao động có vai trò rất quan trọng đối với sự phát triển của người nguyên thủy. Từ rìu đá, con người đã biết chế tác thành lưỡi cuốc và đồ dùng bằng gỗ để phục vụ sản xuất và sinh hoạt dễ dàng hơn. Từ việc chỉ biết săn bắt, con người dần dần biết cách chăn nuôi và trồng trọt.

=> Từ đó giúp con người tự tạo ra được lương thực, thức ăn cần thiết để đảm bảo cuộc sống của mình.

Phát biểu cảm nghĩ: Theo em, lao động giúp con người tạo ra sản phẩm vật chất, tinh thần nuôi sống bản thân, gia đình, góp phần xây dựng xã hội phát triển. Nó giúp con người làm chủ bản thân, làm chủ cuộc sống của chính mình, nó đem đến cho con người niềm vui, tìm thấy được ý nghĩa thực sự của cuộc sống. Quan trọng hơn hết, lao động chính là phương tiện để mỗi người khẳng định được vị trí và sự có mặt của mình trong cuộc sống...

Do đó, mỗi người cần thấy được lao động là vinh quang, là quyền và nghĩa vụ thiêng liêng của bản thân, từ đó phải biết lao động tự giác, sáng tạo không ngừng, cải tiến nâng cao năng suất lao động. Biết quý trọng giá trị đích thực của lao động, khi đó thì sự có mặt của bạn trong xã hội này mới thật sự ý nghĩa.

d) Tổ chức thực hiện

B1: Chuyển giao nhiệm vụ: (GV giao bài tập)

Bài tập:

Qua các hình từ 4.3 đến 4.8, hãy nêu vai trò của lao động đối với quá trình phát triển của người nguyên thủy. Từ đó, phát biểu cảm nhận của em về vai trò của lao động đối với bản thân, gia đình và xã hội ngày nay.

B2: Thực hiện nhiệm vụ

- GV hướng dẫn các em tìm hiểu yêu cầu của đề.
- HS đọc và xác định yêu cầu của bài tập.

B3: Báo cáo, thảo luận

- GV hướng dẫn các em cách nộp sản phẩm cho GV sau khi hoàn thành.
- HS làm bài tập ra giấy và nộp lại cho GV.

B4: Kết luận, nhận định (GV)

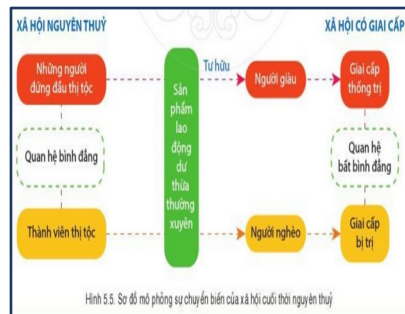
- Nhận xét ý thức làm bài của HS, nhắc nhở những HS không nộp bài hoặc nộp bài không đúng qui định (nếu có).
- Dặn dò HS những nội dung cần học ở nhà và chuẩn bị cho bài học sau.

Ngày soạn: 27/9/2023

Ngày dạy: 29/9 & 3/10/2023

Tiết 8&9-Bài 5

CHUYỂN BIẾN VỀ KINH TẾ, XÃ HỘI CUỐI THỜI NGUYÊN THỦY



I. MỤC TIÊU (Học xong bài học, học sinh sẽ đạt được)

1. Về kiến thức:

- Quá trình phát hiện kim loại và vai trò của kim loại đối với sự chuyển biến từ xã hội nguyên thủy sang xã hội có giai cấp.
- Sự tan rã của xã hội nguyên thủy.
- Sự hình thành xã hội có giai cấp.
- Sự phân hóa không triệt để của xã hội nguyên thủy ở phương Đông.
- Xã hội nguyên thủy ở Việt Nam (qua các nền văn hóa khảo cổ Phùng Nguyên – Đồng Đậu – Gò Mun)

2. Về năng lực:

- Trình bày được quá trình phát hiện kim loại và vai trò của kim loại đối với sự chuyển biến từ xã hội nguyên thủy sang xã hội có giai cấp.
- Giải thích được vì sao sự tan rã của xã hội nguyên thủy.
- Mô tả và giải thích được sự hình thành xã hội có giai cấp.
- Sự phân hóa không triệt để của xã hội nguyên thủy ở phương Đông.
- Nêu được một số nét cơ bản của xã hội nguyên thủy ở Việt Nam (qua các nền văn hóa khảo cổ Phùng Nguyên – Đồng Đậu – Gò Mun)

3. Về phẩm chất:

- Từ việc thấy được sự cải tiến không ngừng của con người trong quá trình chế tác công cụ lao động, HS luôn cố gắng vươn lên đạt kết quả học tập tốt nhất.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Giáo viên

- Một số tranh ảnh về cách con người sử dụng kim loại trong cuộc sống.
- Lược đồ treo tường *Di chỉ thời đồ đá và đồ đồng ở Việt Nam* (H4, tr22)
- Một số hình ảnh công cụ bằng đồng, sắt của người nguyên thủy trên thế giới và Việt Nam, mẫu chuyện *người băng Ốt – di*.

2. Học sinh

- Học sinh tìm hiểu về các đồ dùng kim loại được sử dụng trong cuộc sống.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

HD 1: XÁC ĐỊNH VẤN ĐỀ

a) **Mục tiêu:** Giúp HS kết nối bài mới, xác định nội dung của bài học.

b) **Nội dung:** HS theo dõi video *Cuộc sống sẽ như thế nào nếu không có kim loại* theo link sau:

<https://www.youtube.com/watch?v=PORwh0k3V7o>

sau đó viết tiếp câu.

c) **Sản phẩm:** HS nêu được những giả thuyết nếu không có kim loại.

Gợi ý

Nếu không có kim loại thì con người quay về thời kì đồ đá.

Nếu không có kim loại thì không có nhà để ở.

Nếu không có kim loại thì không có xe để đi.

d) Tổ chức thực hiện:

B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)

HS trả lời câu hỏi:

Trong vòng 1 phút em hãy viết tiếp câu nói sau: “Nếu không có kim loại thì...”

B2: Thực hiện nhiệm vụ

HS viết tiếp.

B3: Thực hiện nhiệm vụ

Gv mời ngẫu nhiên 1 – 3 HS chia sẻ.

B4: Kết luận, nhận định (GV)

- Như vậy nếu không có kim loại xuất hiện thì con người vẫn ở thời kì đồ đá. Khi kim loại xuất hiện đời sống con người có nhiều thay đổi từ gia đình tới xã hội. Trong bài học hôm nay các em sẽ tìm hiểu về sự xuất hiện của kim loại và tác động của nó đối với sự chuyển biến và phân hóa từ xã hội nguyên thủy sang xã hội có giai cấp.

HĐ 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI

2.1. Sự phát hiện ra kim loại và chuyển biến về kinh tế cuối thời nguyên thủy (gộp mục 1&2)

a) Mục tiêu: Giúp HS

- Trình bày được quá trình phát hiện kim loại và vai trò của kim loại đối với sự chuyển biến từ xã hội nguyên thủy sang xã hội có giai cấp.
- Giải thích được vì sao sự tan rã của xã hội nguyên thủy.
- Mô tả và giải thích được sự hình thành xã hội có giai cấp.
- Sự phân hóa không triệt để của xã hội nguyên thủy ở phương Đông.

b) Nội dung:

-HS quan sát H5.1 – H5.5 kết hợp đọc toàn bộ thông tin mục I, II SGK, thảo luận cặp đôi để hoàn thiện phiếu học tập trong 8 phút.

c) Sản phẩm: Phiếu học tập

d) Tổ chức thực hiện

B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)

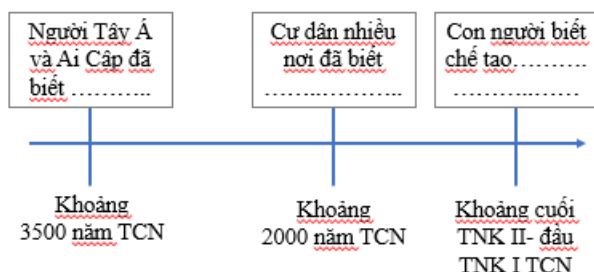
- HS Làm việc cá nhân 3 phút, ghi kết quả ra giấy note.

- Thảo luận cặp đôi 5 phút và ghi kết quả ra phiếu học tập .

PHIẾU HỌC TẬP

1. Sự phát hiện ra kim loại và chuyển biến về kinh tế cuối thời nguyên thủy

❖ Sự phát hiện ra kim loại



❖ Những chuyển biến trong đời sống vật chất

- Công cụ mới:.....
- Sản xuất phát triển tạo ra.....

2. Chuyển biến về xã hội cuối thời nguyên thủy



- Xã hội phân hóa.....
 - Xã hội nguyên thủy tan rã hình thành xã hội.....
- * Ở phương Đông xã hội phân hóa không triệt để vì.....

B2: Thực hiện nhiệm vụ

HS thực hiện nhiệm vụ cá nhân trên giấy note trong thời gian 3 phút
HS chia sẻ cặp đôi trong thời gian 5 phút, kết quả trên phiếu học tập.

B3: Báo cáo, thảo luận

GV:

- Yêu cầu đại diện của một nhóm lên trình bày.
- Hướng dẫn HS trình bày (nếu cần).

HS:

- Đại diện 1 cặp đôi lên bày sản phẩm.
- Các cặp khác theo dõi, quan sát, nhận xét, bổ sung.

B4: Kết luận, nhận định (GV)

- Nhận xét thái độ và kết quả, hướng dẫn HS ghi chép.

1. Sự phát hiện ra kim loại và chuyển biến về kinh tế cuối thời nguyên thủy

❖ Sự phát hiện ra kim loại

Người Tây Á và Ai Cập đã biết	Cư dân nhiều nơi đã biết	Con người biết chế tạo
Khoảng 3500 năm TCN	Khoảng 2000 năm TCN	Khoảng cuối TNK II- đầu TNK I TCN

➔ Những chuyển biến trong đời sống vật chất

- Công cụ mới bằng kim loại.
- Sản xuất phát triển tạo ra sản phẩm dư thừa.

2. Chuyển biến về xã hội cuối thời nguyên thủy



- Xã hội phân hóa giàu nghèo
- Xã hội nguyên thủy tan rã hình thành xã hội có giai cấp.

* Ở phương Đông xã hội phân hóa không triệt để vì cần liên kết để làm thủy lợi và chống ngoại xâm

GV mở rộng thêm về câu chuyện người băng Ôt – di hoặc gợi mở để học sinh nhận thấy sự không ngừng sáng tạo của con người trong quá trình lao động và sản xuất.

- Chốt kiến thức và chuyển dẫn sang nội dung Sự tan rã của xã hội nguyên thủy ở Việt Nam.

2.2. Việt Nam cuối thời nguyên thủy

a) Mục tiêu: Giúp HS

- Nêu được một số nét cơ bản của xã hội nguyên thủy ở Việt Nam (qua các nền văn hóa khảo cổ Phùng Nguyên – Đồng Đậu – Gò Mun)

b) Nội dung:

- HS quan sát H5.6 – H5.8 kết hợp đọc thông tin mục 3 SGK, để trả lời câu hỏi.
- HS suy nghĩ cá nhân, làm việc nhóm và hoàn thiện nhiệm vụ.

c) Sản phẩm: Phiếu học tập đã hoàn thành của HS.

c) Sản phẩm: câu trả lời của HS

d) Tổ chức thực hiện

HD của thầy và trò	Sản phẩm dự kiến
B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV) HS quan sát H5.6 – H5.7 kết hợp đọc thông tin mục III SGK, để trả lời câu hỏi. 1. Thời đại đồ đồng ở Việt Nam bắt đầu từ khi nào? ở đâu? 2. Sự xuất hiện công cụ bằng kim loại đã có những tác động như thế nào đối với đời sống kinh tế, xã hội?	2. Việt Nam cuối thời nguyên thủy a. Sự xuất hiện kim loại - Thời gian xuất hiện: khoảng 4000 năm trước. - Địa điểm: Địa bàn trên khắp cả nước. b. Sự phân hóa và tan rã của xã hội nguyên thủy - Địa bàn cư trú mở rộng

(gợi ý trên các lĩnh vực: địa bàn cư trú, nơi tập trung dân cư, sự phát triển của nghề nông, phân hóa xã hội) B2: Thực hiện nhiệm vụ - Theo dõi thông tin trong SGK để trả lời câu hỏi. B3: Báo cáo, thảo luận GV mời 3 – 5 HS trả lời nhanh từng câu hỏi (kỹ thuật tia chớp) B4: Kết luận, nhận định (GV) Nhận xét câu trả lời của HS và chốt kiến thức lên màn hình.	-Nghề nông phát triển. -Tập trung dân cư ở ven các con sông lớn. -Sự phân hóa giàu nghèo trong xã hội. → Là cơ sở cho sự xuất hiện các quốc gia sơ kì đầu tiên ở Việt Nam.
--	--

HD 3: Luyện tập

a) Mục tiêu: Vận dụng kiến thức của bài học vào việc làm bài tập cụ thể

b) Nội dung: HS suy nghĩ cá nhân làm bài tập của GV giao.

c) Sản phẩm:

Câu trả lời của HS

d) Tổ chức thực hiện

B1: Chuyển giao nhiệm vụ: Giáo viên giao bài tập cho HS

Bài tập 1: Nêu những chuyển biến về kinh tế, xã hội vào cuối thời nguyên thủy. Chuyển biến nào quan trọng nhất? Vì sao?

Bài tập 2: Khái quát những nét cơ bản về kinh tế, xã hội Việt Nam cuối thời nguyên thủy.

B2: Thực hiện nhiệm vụ

- HS xác định yêu cầu của đề bài và suy nghĩ cá nhân để làm bài tập

- GV hướng dẫn cho HS tìm hiểu đề và làm bài tập

B3: Báo cáo, thảo luận

- GV yêu cầu HS trình bày sản phẩm của mình.

- HS trình bày, theo dõi, nhận xét, đánh giá và bổ sung cho bài của bạn (nếu cần).

B4: Kết luận, nhận định: GV nhận xét bài làm của HS.

HD 4: VẬN DỤNG

a) Mục tiêu: Củng cố và mở rộng kiến thức nội dung của bài học cho HS

b) Nội dung: HS khai thác hình ảnh, tư liệu và liên hệ trong cuộc sống để hoàn thành nhiệm vụ.

c) Sản phẩm: Bài làm của HS

d) Tổ chức thực hiện

B1: Chuyển giao nhiệm vụ: (GV giao bài tập)

Bài tập 3: Kể tên một vật dụng bằng kim loại hiện nay mà em biết. Từ đó, phát biểu ý nghĩa của việc phát hiện ra kim loại vào cuối thời nguyên thủy.

B2: Thực hiện nhiệm vụ

- GV hướng dẫn các em tìm hiểu yêu cầu của đề.

- HS đọc và xác định yêu cầu của bài tập.

B3: Báo cáo, thảo luận

- GV hướng dẫn các em cách nộp sản phẩm cho GV sau khi hoàn thành.

- HS làm bài tập ra giấy và nộp lại cho GV qua hệ thống CNTT mà GV hướng dẫn.

B4: Kết luận, nhận định (GV)

- Nhận xét ý thức làm bài của HS, nhắc nhở những HS không nộp bài hoặc nộp bài không đúng qui định (nếu có).

- Dặn dò HS những nội dung cần học ở nhà và chuẩn bị cho bài học sau.

-----🏠📖-----

Ngày soạn: 5/10/2023

CHƯƠNG 3. XÃ HỘI CỔ ĐẠI

Tiết 10, 11, 12 - Bài 6. AI CẬP VÀ LƯƠNG HÀ CỔ ĐẠI

I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức

- Nêu được tác động của điều kiện tự nhiên (các dòng sông, đất đai màu mỡ) đối với sự hình thành nền văn minh Ai Cập và Lương Hà.
- Trình bày được quá trình thành lập nhà nước của người Ai Cập và người Lương Hà.
- Kể được tên và nêu được những thành tựu chủ yếu về văn hoá ở Ai Cập, Lương Hà.

2. Năng lực

- Đọc và chỉ ra được thông tin quan trọng trên lược đồ.
- Khai thác và sử dụng được thông tin của một số tư liệu lịch sử trong bài học dưới sự hướng dẫn của giáo viên.
- Tìm kiếm, sưu tầm được tư liệu để phục vụ cho bài học và thực hiện các hoạt động thực hành, vận dụng.

3. Phẩm chất

Trân trọng những di sản của nền văn minh Ai Cập, Lương Hà để lại cho nhân loại.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Chuẩn bị của giáo viên

- Phiếu học tập.
- Lược đồ Ai Cập và Lương Hà cổ đại.
- Video về một số nội dung trong bài học (nếu có).

2. Chuẩn bị của học sinh

Tranh ảnh, dụng cụ học tập theo yêu cầu của giáo viên

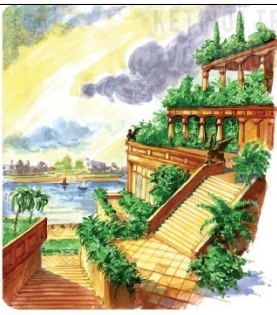
III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

HĐ1. Mở đầu – xác định vấn đề

a. Mục tiêu:

- Kết nối kiến thức từ cuộc sống vào nội dung bài học.
- Xác định được vấn đề của bài học.

b. Nội dung: Quan sát bảng thông tin dưới đây

	Hình ảnh	Từ ngữ	Kết quả
a/		1/ Vườn treo Ba-bi-lon	
b/		2/ Chữ viết của người Ai Cập	
c/		3/ Kim tự Tháp	
d/		4/ Chữ viết của người Lưỡng Hà	

c. Sản phẩm
Câu trả lời của nhóm Hs

a+2; b+4; c+1; d+3

d. Tổ chức thực hiện:

B1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập

Quan sát và nối hình ảnh ở cột A với từ ngữ ở cột B sao cho phù hợp

B2: Thực hiện nhiệm vụ học tập

HS có 1 phút quan sát kỹ 4 bức tranh, ghép tranh với cụm từ phù hợp và ghi nhanh kết quả vào bảng nhóm (Giấy 4)

B3: Báo cáo thảo luận

GV:

- Yêu cầu đại diện của một vài nhóm lên trình bày sản phẩm.
- Hướng dẫn HS báo cáo (nếu các em còn gặp khó khăn).

HS:

- Đại diện báo cáo sản phẩm nhóm
- HS còn lại theo dõi, nhận xét, bổ sung cho nhóm bạn (nếu cần).

B4: Kết luận, nhận định.

- Nhận xét (hoạt động nhóm của HS và sản phẩm), chốt kiến thức, chuyển dẫn vào hoạt động hình thành kiến thức mới.
- Viết tên bài, nêu mục tiêu chung của bài và dẫn vào HĐ tiếp theo.

HOẠT ĐỘNG 2. Hình thành kiến thức mới

HOẠT ĐỘNG 1: Điều kiện tự nhiên của Ai Cập và Lưỡng Hà

a. Mục tiêu: Nêu được tác động của điều kiện tự nhiên (các dòng sông, đất đai màu mỡ)

đối với sự hình thành nền văn minh Ai Cập và Lưỡng Hà.

b. Nội dung:

Hs: Quan sát tranh ảnh (hình 6.2), lược đồ (hình 6.1), đọc tài liệu (kênh chữ SGK) để tìm ra kiến thức mới dưới sự hướng dẫn của GV.

GV: Hướng dẫn học sinh khai thác tranh ảnh (hình 6.2), lược đồ (hình 6.1), đọc tài liệu (kênh chữ SGK) để trả lời câu hỏi và lĩnh hội kiến thức mới.



Hình 6.1.Lược đồ Ai Cập và Lưỡng Hà cổ đại Hình 6.2. Một người Ai Cập đang săn bắt chim ở khu vực

đồng bằng sông Nin (tranh trên tường trong lăng mộ Nê-ba-mun)

c. Sản phẩm:

*Dự kiến sản phẩm của học sinh

NV1.Điểm nổi bật về điều kiện tự nhiên của Ai Cập, Lưỡng Hà cổ đại.

K			W	L
Liệt kê những điều đã biết về điều kiện tự nhiên của Ai Cập, Lưỡng Hà cổ đại				
	Ai Cập	Lưỡng Hà		
Vị trí	Nằm ở Đông Bắc châu Phi	Nằm ở khu vực Tây Nam Á		
Đất đai	Đất phù sa màu mỡ	Đất phù sa màu mỡ		
Sông ngòi	Sông Nin	Sông Ti-gơ-rơ và Ơ-phơ-rát		

NV2.Tác động của ĐKTN đối với sự hình thành văn minh Ai Cập, Lưỡng Hà

Tác động của điều kiện tự nhiên đối với sự hình thành nền văn minh Ai Cập, Lưỡng Hà

+ Kinh tế nông nghiệp phát triển sớm → nền văn minh hình thành cả khi chưa có đồ sắt.

+Liên kết công xã, tạo điều kiện cho nhà nước ra đời.

+Có nhiều phát minh quan trọng phục vụ sản xuất.

d. Tổ chức hoạt động:

Hoạt động của thầy và trò	Sản phẩm dự kiến
Nhiệm vụ 1: B1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập	1.Điều kiện tự nhiên của Ai Cập và Lưỡng Hà

Dựa vào lược đồ 6.1 và kiến thức đã tìm hiểu được, em hãy hoàn thiện cột “K” và cột “W” để thể hiện những điều đã biết và muốn biết về điều kiện tự nhiên của Ai Cập và Lưỡng Hà cổ đại.

K			W	L
Liệt kê những điều đã biết về điều kiện tự nhiên của Ai Cập, Lưỡng Hà cổ đại				
	Ai Cập	Lưỡng Hà		
Vị trí				
Đất đai				
Sông ngòi				

B2: Thực hiện nhiệm vụ học tập

HS đọc SGK, thu thập thông tin
Ghi những điều đã biết vào cột “K” và những điều muốn biết vào cột “W”

B3: Báo cáo thảo luận

Hs báo cáo sản phẩm của nhóm bằng việc dán phiếu học tập của nhóm lên bảng. Đại diện nhóm trình bày sản phẩm – tương tác với nhóm bạn

B4: Kết luận, nhận định

Nhóm Hs đánh giá nhóm bạn
GV đánh giá việc thực hiện nhiệm vụ của các nhóm HS, chuẩn xác kiến thức.

Nhiệm vụ 2:

B1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập

1. Quan sát hình 6.2 và ngữ liệu SGK, hãy cho biết những “tặng phẩm” mà sông Nin đem lại cho Ai Cập?
2. Quan sát lược đồ 6.1 và đọc ngữ liệu SGK, cho biết điều kiện tự nhiên đã tác động như thế nào đến sự hình thành các nền văn minh Ai Cập, Lưỡng Hà?

B2: Thực hiện nhiệm vụ học tập

HS đọc SGK, thu thập thông tin
Trình bày ý kiến cá nhân vào phiếu học tập dưới sự hướng dẫn của Gv

B3: Báo cáo thảo luận

Hs báo cáo sản phẩm của nhóm bằng việc dán phiếu học tập của nhóm lên bảng. Đại diện nhóm trình bày sản phẩm – tương tác với nhóm bạn

B4: Kết luận, nhận định

Nhóm Hs đánh giá nhóm bạn

-Ai Cập và Lưỡng Hà nằm ở lưu vực các con sông lớn (sông Nin, Ơ-phơ-rát, Ti-gơ-rơ)

- Tác động của điều kiện tự nhiên đối với sự hình thành nền văn minh Ai Cập, Lưỡng Hà
- + Kinh tế nông nghiệp phát triển sớm → nền văn minh hình thành cả khi chưa có đồ sắt.
- +Liên kết công xã, tạo điều kiện cho nhà nước ra đời.
- +Có nhiều phát minh quan trọng phục vụ sản xuất.

GV đánh giá việc thực hiện nhiệm vụ của các nhóm HS, chuẩn xác kiến thức và chuyển sang hoạt động tiếp theo	
HOẠT ĐỘNG 2: Quá trình thành lập nhà nước của người Ai Cập và người Lưỡng Hà	
a. Mục tiêu: Trình bày được quá trình thành lập nhà nước của người Ai Cập và người Lưỡng Hà. b. Nội dung: Hs: Quan sát tranh ảnh, đọc tài liệu (kênh chữ SGK) để tìm ra kiến thức mới dưới sự hướng dẫn của GV. GV: Hướng dẫn học sinh khai thác tranh ảnh, đọc tài liệu (kênh chữ SGK) để trả lời câu hỏi và lĩnh hội kiến thức mới. Hình 6.3. Mặt nạ bằng vàng của Pa-ra-ông Tu-lan-kha-môn (trị vì Ai Cập khoảng cuối thiên niên kỉ II TCN) c. Sản phẩm: Câu trả lời của học sinh d. Tổ chức hoạt động:	
Hoạt động của thầy và trò B1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập Dựa vào tranh ảnh và thông tin trong SGK hãy: <i>Nêu quá trình thành lập nhà nước của người Ai Cập và Lưỡng Hà</i> B2: Thực hiện nhiệm vụ học tập HS thực hiện nhiệm vụ thông qua sự định hướng và giúp đỡ của GV B3: Báo cáo thảo luận Hs báo cáo sản phẩm của nhóm bằng việc dán phiếu học tập của nhóm lên bảng. Đại diện nhóm trình bày sản phẩm – tương tác với nhóm bạn B4: Kết luận, nhận định Nhóm Hs đánh giá nhóm bạn GV đánh giá việc thực hiện nhiệm vụ của các nhóm HS, chuẩn xác kiến thức.	Sản phẩm dự kiến 2. Quá trình thành lập nhà nước của người Ai Cập và người Lưỡng Hà -Khoảng năm 3200 TCN, nhà nước Ai Cập đầu tiên được hình thành, đứng đầu là Pha-ra-ông có quyền lực tối cao. -Cuối thiên niên kỉ IV TCN, nhà nước đầu tiên của Lưỡng Hà ra đời ở hạ lưu sông Ti-grơ và Ơ-phrát; đứng đầu nhà nước là En-xi.
HOẠT ĐỘNG 3: Những Thành tựu văn hóa chủ yếu của Ai Cập và Lưỡng Hà	
a. Mục tiêu: Kể được tên và nêu được những thành tựu chủ yếu về văn hoá ở Ai Cập, Lưỡng Hà. b. Nội dung: Hs: Quan sát tranh ảnh về thành tựu văn hóa Ai Cập và Lưỡng Hà cổ đại, đọc tài liệu (kênh chữ SGK) để tìm ra kiến thức mới dưới sự hướng dẫn của GV.	

GV: Hướng dẫn học sinh khai thác tranh ảnh về thành tựu văn hóa Ai Cập và Lưỡng Hà cổ đại, đọc tài liệu (kênh chữ SGK) để trả lời câu hỏi và lĩnh hội kiến thức mới.



Hình 6.4. Xác ướp Ai Cập cổ đại



Hình 6.6. Chữ viết trên giấy Pa-pi-rút của cư dân Ai Cập

Hình 6.5. Bảng đá khắc hình thần Sa-mát (thần Mặt Trời) ở Lưỡng Hà



Hình 6.8. Quần thể kim tự tháp Gi-za (Ai Cập)

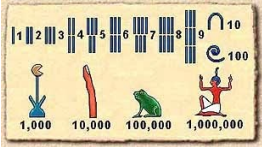


Hình 6.7. Chữ hình nêm viết trên đất sét của cư dân Lưỡng Hà



Hình 6.9. Cổng I-so-ra - cửa ngõ dẫn đến trung tâm thành phố Ba-bi-lon (bản phục dựng)

c. Sản phẩm:

Lĩnh vực	Ai Cập cổ đại		Lưỡng Hà cổ đại	
	Thành tựu VH	Ảnh minh họa	Thành tựu VH	Ảnh minh họa
Chữ viết	Chữ tượng hình viết trên giấy Pa-py-rút		Chữ hình nêm viết trên đất sét	
Toán học	Hệ đếm thập phân, chữ số từ 1 đến 9 Tính diện tích		Hệ đếm 60	
Kiến trúc – Điều khắc	Kim Tự Tháp		Vườn treo Ba-bi-lon	
Thiên văn học	Lịch Đồng hồ Mặt Trời			

Y học	Thuật ướp xác			
-------	---------------	---	--	--

d. Tổ chức hoạt động:

Hoạt động của thầy và trò			Sản phẩm dự kiến
B1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập Dựa tranh ảnh thành tựu văn hóa Ai Cập, Lưỡng Hà cổ đại và thông tin trong SGK hãy hoàn thiện bảng thống kê theo mẫu Nhóm 1,3:			3. Những Thành tựu văn hóa chủ yếu của Ai Cập và Lưỡng Hà Ai Cập, Lưỡng Hà cổ đại đạt nhiều thành tựu quan trọng, nổi bật có giá trị, đóng góp đối với nền văn minh nhân loại như: chữ viết, toán học, thiên văn học, y học, kiến trúc – điêu khắc,...
Lĩnh vực	Ai Cập cổ đại		
	Thành tựu VH	Ảnh minh họa	
Nhóm 2,4			
Lĩnh vực	Lưỡng Hà cổ đại		
	Thành tựu VH	Ảnh minh họa	
B2: Thực hiện nhiệm vụ học tập HS thực hiện nhiệm vụ thông qua sự định hướng và giúp đỡ của GV			
B3: Báo cáo thảo luận Hs báo cáo sản phẩm của nhóm bằng việc dán phiếu học tập của nhóm lên bảng. Đại diện nhóm trình bày sản phẩm – tương tác với nhóm bạn			
B4: Kết luận, nhận định Nhóm Hs đánh giá nhóm bạn GV đánh giá việc thực hiện nhiệm vụ của các nhóm HS, chuẩn xác kiến thức.			

HĐ3. Luyện tập

a.Mục tiêu: Hiểu biết về nền văn minh Ai Cập và Lưỡng Hà cổ đại

b. Nội dung

- Dựa vào kiến thức vừa tiếp thu được để hoàn thành bài tập trắc nghiệm
- Chọn đáp án đúng nhất trong các câu sau

Câu 1. Ai Cập cổ đại được hình thành trên lưu vực con sông nào?

A. Sông Ấn. B. Sông Hằng. C. Sông Nin. D. Sông Nhị.

Câu 2. Người đứng đầu nhà nước ở Lưỡng Hà cổ đại là ai?

A. Pha-ra-ông. B. Thiên tử. C. En-xi. D. Địa chủ.

Câu 3. Tại sao nhà nước Ai Cập cổ đại sớm hình thành và phát triển ở lưu vực sông Nin?

A. Đây là địa bàn cư trú của người nguyên thủy.

B. Cư dân ở đây sớm phát minh ra công cụ bằng kim loại.

- C. Do có điều kiện thuận lợi để phát triển hoạt động buôn bán.
D. Do có điều kiện thuận lợi để con người sinh sống và sản xuất.

Câu 4. Việc nhà nước Ai Cập, Lưỡng Hà cổ đại hình thành ở lưu vực các con sông gây ra khó khăn gì cho cư dân ở đây?

- A. Sự chia cắt về mặt lãnh thổ. B. Tình trạng hạn hán kéo dài.
C. Sự tranh chấp lãnh thổ xả ra. D. Tình trạng lũ lụt xả ra vào mùa mưa.

Câu 5. Thành tựu nào sau đây của người Ai Cập cổ đại còn sử dụng đến ngày nay?

- A. Chữ tượng hình. B. Hệ đếm thập phân.
C. Hệ đếm 60. D. Thuật ướp xác.

c. Sản phẩm

**Dự kiến sản phẩm*

Câu	1	2	3	4	5
Đáp án	C	C	D	D	B

d. Tổ chức thực hiện

Bước 1. GV chuyển giao nhiệm vụ học tập

Dựa vào kiến thức vừa học hãy hoàn thành các bài tập trắc nghiệm sau đây (Chọn câu trả lời đúng nhất)

Bước 2. HS thực hiện nhiệm vụ học tập

Hs gơ tay nhanh nhất để trả lời câu hỏi

Bước 3. Báo cáo, thảo luận

Câu trả lời của HS

Bước 4: Kết luận, nhận định

HS nhận xét bài làm của bạn

GV đánh giá việc thực hiện nhiệm vụ của học sinh, chuẩn xác kiến thức (nếu cần)

HĐ4. Vận dụng

a. Mục tiêu: Vận dụng bài toán theo cách viết của người Ai Cập cổ đại, liên hệ thực tế về sự ảnh hưởng của những phát minh của người Ai Cập- Lưỡng Hà đến ngày nay.

b. Nội dung:

Tìm tòi, mở rộng kiến thức về sự ảnh hưởng của văn minh Ai Cập, Lưỡng Hà cổ đại đến ngày nay.

c. Sản phẩm:

Câu trả lời của học sinh

d. Tổ chức hoạt động:

Bước 1. GV chuyển giao nhiệm vụ học tập

Câu hỏi: Dựa vào kiến thức vừa học, hãy viết một bài giới thiệu về một thành tựu văn hóa của cư dân Ai Cập hoặc cư dân Lưỡng Hà mà em ấn tượng nhất?

Bước 2. HS thực hiện nhiệm vụ học tập

HS thực hiện nhiệm vụ thông qua sự định hướng và giúp đỡ của GV

Bước 3. Báo cáo, thảo luận

Hs báo cáo sản phẩm của nhóm bằng việc dán phiếu học tập của nhóm lên bảng. Đại diện nhóm trình bày sản phẩm – tương tác với nhóm bạn

Bước 4: Kết luận, nhận định

HS nhận xét bài làm của nhóm bạn

GV đánh giá việc thực hiện nhiệm vụ của học sinh, chuẩn xác kiến thức (nếu cần)

GV hướng dẫn Hs chuẩn bị bài cho tiết học tiếp theo

----------

Tiết 13, 14- Bài 7: ẤN ĐỘ CỔ ĐẠI

I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức

- Giới thiệu được điều kiện tự nhiên của lưu vực sông Ấn, sông Hằng.
- Trình bày được những điểm chính về chế độ xã hội của Ấn Độ.
- Nhận biết được những thành tựu văn hoá tiêu biểu của Ấn Độ.

2. Năng lực

- Đọc và chỉ ra được thông tin quan trọng trên lược đồ.
- Khai thác và sử dụng được thông tin của một số tư liệu lịch sử trong bài học dưới sự hướng dẫn của giáo viên.
- Tìm kiếm, sưu tầm được tư liệu để phục vụ cho bài học và thực hiện các hoạt động thực hành, vận dụng.

3. Phẩm chất

Trân trọng những di sản của nền văn minh Ấn Độ để lại cho nhân loại.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Chuẩn bị của giáo viên

- Phiếu học tập.
- Lược đồ Ấn Độ cổ đại, lược đồ Ấn Độ ngày nay.
- Video về một số nội dung trong bài học (nếu có).

2. Chuẩn bị của học sinh

Tranh ảnh, dụng cụ học tập theo yêu cầu của giáo viên

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

HĐ1. Mở đầu

a. Mục tiêu:

- Kết nối kiến thức từ cuộc sống vào nội dung bài học.
- Xác định được vấn đề của bài học.

b. Nội dung: Xem phim về lễ hội KUMBH MÊLA (Lễ hội sông Hằng)



? Lễ hội trên của nước nào? Được tổ chức ở đâu

? Theo em vì sao Lễ hội tôn giáo này thu hút đông đảo người dân tham gia
Từ câu trả lời của HS, GV dẫn dắt vào bài mới

c. Sản phẩm:

Câu trả lời của HS

d. Tổ chức hoạt động:

Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ

Theo dõi đoạn phim và trả lời các câu hỏi sau

1. Lễ hội trên của nước nào?
2. Được tổ chức ở đâu?

3. Theo em vì sao Lễ hội tôn giáo này thu hút đông đảo người dân tham gia

Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ

GV: Hướng dẫn HS quan sát, phân tích nội dung đoạn phim và trả lời câu hỏi.

HS: Quan sát, phân tích nội dung và ghi kết quả thảo luận ra phiếu học tập.

Bước 3. Báo cáo, thảo luận

GV:

- Yêu cầu đại diện của một vài nhóm lên trình bày sản phẩm.
- Hướng dẫn HS báo cáo (nếu các em còn gặp khó khăn).

HS:

- Đại diện báo cáo sản phẩm nhóm
- HS còn lại theo dõi, nhận xét, bổ sung cho nhóm bạn (nếu cần).

Bước 4. Kết luận, nhận định

- Nhận xét (hoạt động nhóm của HS và sản phẩm), chốt kiến thức, chuyển dẫn vào hoạt động hình thành kiến thức mới.
- Viết tên bài, nêu mục tiêu chung của bài và dẫn vào HĐ tiếp theo.

HĐ2. Hình thành kiến thức mới

HOẠT ĐỘNG 1: Điều kiện tự nhiên ở lưu vực sông Ấn và sông Hằng

a. Mục tiêu:Giới thiệu được điều kiện tự nhiên của lưu vực sông Ấn, sôngHằng.

b. Nội dung:

HS: Quan sát lược đồ (hình 7.2), đọc tài liệu (kênh chữ SGK) để tìm ra kiến thức mới dưới sự hướng dẫn của GV.

GV: Hướng dẫn học sinh khai thác lược đồ (hình 7.2), đọc tài liệu (kênh chữ SGK) để trả lời câu hỏi và lĩnh hội kiến thức mới.



Hình 7.2. Lược đồ Ấn Độ cổ đại

c. Sản phẩm: Câu trả lời của học sinh dưới sự định hướng của GV

Yếu tố	Đặc điểm
Vị trí địa lí	Là bán đảo Nam Á, nằm trên trục đường biển từ tây sang Đông.
Địa hình	-Phía Bắc bao bọc bởi một vòng cung khổng lồ - dãy Hi-ma-lay-a. -Ở giữa: Đồng bằng Ấn – Hằng rộng lớn. -Phía Nam: Cao nguyên Đê-can nhiều núi đá hiểm trở.
Khí hậu	-Đại bộ phận có khí hậu nhiệt đới gió mùa. -Khí hậu phân hóa theo độ cao, ảnh hưởng bởi địa hình.
Sông ngòi	Có nhiều sông lớn: Sông Ấn, sông Hằng,...

d. Tổ chức hoạt động:

Hoạt động của thầy và trò	Sản phẩm dự kiến										
Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ Quan sát hình 7.2. Lược đồ Ấn Độ cổ đại và đọc nội dung trong SGK, em hãy: - Xác định trên lược đồ vị trí địa lí của Ấn Độ cổ đại? - Hoàn thành bảng thống kê điều kiện tự nhiên của Ấn Độ theo mẫu - Điều kiện tự nhiên đó ảnh hưởng thế nào đến sự hình thành văn minh Ấn Độ <table border="1" data-bbox="148 497 764 703"> <thead> <tr> <th>Yếu tố</th><th>Đặc điểm</th></tr> </thead> <tbody> <tr> <td>Vị trí địa lí</td><td></td></tr> <tr> <td>Địa hình</td><td></td></tr> <tr> <td>Khí hậu</td><td></td></tr> <tr> <td>Sông ngòi</td><td></td></tr> </tbody> </table> Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ GV hướng dẫn HS trả lời (nhóm – KT phòng tranh) HS: - Quan sát ngữ liệu trong SGK để trả lời câu hỏi. - Suy nghĩ cá nhân để lấy ví dụ minh họa. Bước 3. Báo cáo, thảo luận GV: - Yêu cầu HS trả lời, yêu cầu đại diện nhóm trình bày. - Hướng dẫn HS trình bày, nhận xét (nếu cần). HS: - Trả lời câu hỏi của GV. - Đại diện nhóm trình bày sản phẩm của nhóm. - HS các nhóm còn lại quan sát, theo dõi nhóm bạn trình bày và bổ sung cho nhóm bạn (nếu cần). Bước 4. Kết luận, nhận định - Nhận xét về thái độ học tập & sản phẩm học tập của HS. - Chuyển dẫn sang nội dung tiếp theo.	Yếu tố	Đặc điểm	Vị trí địa lí		Địa hình		Khí hậu		Sông ngòi		1. Điều kiện tự nhiên ở lưu vực sông Ấn và sông Hằng -Vị trí địa lí: Là bán đảo Nam Á, nằm trên trục đường biển từ tây sang Đông. - Địa hình: + Phía Bắc bao bọc bởi một vòng cung khổng lồ - dãy Hi-ma-lay-a. + Ở giữa: Đồng bằng Ấn – Hằng rộng lớn. + Phía Nam: Cao nguyên Đê-can nhiều núi đá hiểm trở. -Khí hậu: + Đại bộ phận có khí hậu nhiệt đới gió mùa. + Khí hậu phân hóa theo độ cao, ảnh hưởng bởi địa hình. -Sông ngòi: Có nhiều sông lớn như sông Ấn, sông Hằng,...bồi đắp phù sa màu mỡ. →Ảnh hưởng đến sự hình thành nền văn minh Ấn Độ
Yếu tố	Đặc điểm										
Vị trí địa lí											
Địa hình											
Khí hậu											
Sông ngòi											
HOẠT ĐỘNG 2: Chế độ xã hội ở Ấn Độ											
a. Mục tiêu: Trình bày được những điểm chính về chế độ xã hội của Ấn Độ. b. Nội dung: HS: Quan sát tranh ảnh (hình 7.3), đọc tài liệu (kênh chữ SGK) để tìm ra kiến thức mới dưới sự hướng dẫn của GV. GV: Hướng dẫn học sinh khai thác tranh ảnh (hình 7.3), đọc tài liệu (kênh chữ SGK) để trả lời câu hỏi và lĩnh hội kiến thức mới.											



Hình 7.3. Sơ đồ các đẳng cấp trong xã hội Ấn Độ cổ đại

c. **Sản phẩm:** Câu trả lời của học sinh dưới sự định hướng của GV

d. **Tổ chức hoạt động:**

Hoạt động của thầy và trò	Sản phẩm dự kiến
Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ Quan sát hình 7.3. Sơ đồ chế độ đẳng cấp Vac-na và ngữ liệu trong SGK em hãy nêu những điểm chính của chế độ xã hội ở Ấn độ cổ đại. 1. Chế độ đẳng cấp Vac-na là gì? 2. Người A-ri-a đã tạo ra chế độ đẳng cấp như thế nào? 3. Em có nhận xét như thế nào về sự phân chia xã hội theo chế độ đẳng cấp Vac-na? Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ GV hướng dẫn HS trả lời HS: - Quan sát sơ đồ hình 7.3, ngữ liệu trong SGK để trả lời câu hỏi. - Suy nghĩ cá nhân để lấy ví dụ minh họa. Bước 3. Báo cáo, thảo luận GV yêu cầu HS trả lời. HS trả lời câu hỏi của GV. Bước 4. Kết luận, nhận định - Nhận xét về thái độ học tập & sản phẩm học tập của HS. - Chuyển dẫn sang phần tiếp theo	2. Chế độ xã hội ở Ấn Độ -Khoảng năm 2500 TCN, người Đra-vi-a cư trú ở miền nam Ấn Độ - chủ nhân của nền văn minh cổ xưa nhất Ấn Độ. -Giữa thiên niên kỉ II TCN, người A-ri-a xâm nhập, mở ra thời kì xã hội có giai cấp và nhà nước. Chế độ đẳng cấp Vac-na gồm 4 đẳng cấp.
HOẠT ĐỘNG 3: Những thành tựu văn hóa tiêu biểu của Ấn Độ a. Mục tiêu: Nhận biết được những thành tựu văn hoá tiêu biểu của Ấn Độ. b. Nội dung: HS: Quan sát tranh ảnh (hình 7.4, 7.5, 7.6, 7.7, 7.8), đọc tài liệu (kênh chữ SGK) để tìm ra kiến thức mới dưới sự hướng dẫn của GV. GV: Hướng dẫn học sinh khai thác tranh ảnh (hình 7.4, 7.5, 7.6, 7.7, 7.8), đọc tài liệu (kênh chữ SGK) để trả lời câu hỏi và lĩnh hội kiến thức mới.	



Hình 7.4. Ba vị thần trong Hin-đú giáo
(từ trái qua phải: thần Bra-ma, thần Vít-nu, thần Si-va)



Hình 7.5. Một bức tượng Phật
(Ấn Độ, thế kỉ IV)



Hình 7.6. Một trang trong sử thi Ma-ha-bha-ra-ta



Hình 7.7. Chùa hang A-gian-ta



Hình 7.8. Các chữ số do người Ấn Độ sáng tạo ra mà ngày nay vẫn đang được sử dụng

c. Sản phẩm:

Câu trả lời đúng của học sinh

d. Tổ chức hoạt động:

Hoạt động của thầy và trò	Sản phẩm dự kiến
Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ Quan sát hình ảnh và ngữ liệu trong SGK em hãy hoàn thành nhiệm vụ sau: 1. Kể tên các thành tựu văn hóa tiêu biểu của Ấn Độ cổ đại? 2. Em ấn tượng với di sản nào của nền văn minh Ấn Độ nhất? Vì sao? Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ GV hướng dẫn HS trả lời (nhóm- KT khăn phủ bàn) HS: - Quan sát tranh ảnh (hình 7.4, 7.5, 7.6, 7.7, 7.8), ngữ liệu trong SGK để trả lời câu hỏi. - Suy nghĩ cá nhân để lấy ví dụ minh họa. Bước 3. Báo cáo, thảo luận GV yêu cầu HS trả lời. HS trả lời câu hỏi của GV. Bước 4. Kết luận, nhận định - Nhận xét về thái độ học tập & sản phẩm học tập của HS. - Chuyển dẫn sang hoạt động luyện tập	3. Những thành tựu văn hóa tiêu biểu của Ấn Độ -Chữ viết: chữ Phạn. -Văn học: sử thi Ma-ha-bha-ra-ta và Ra-ma-y-a-na. -Tôn giáo ra đời nhiều tôn giáo lớn như đạo Bà La Môn, đạo Phật. -Kiến trúc: tiêu biểu là cột đá A-sô-ca và đại bảo tháp San-chi. -Lịch pháp: làm ra lịch. -Toán học: hệ số có 10 chữ số, đặc biệt là giá trị của số 0

HĐ3. Luyện tập

a. Mục tiêu: Hiểu biết về nền văn minh Ấn Độ cổ đại.

b. Nội dung:

Vận dụng kiến thức đã học để làm bài tập

-Dựa vào kiến thức vừa tiếp thu được để hoàn thành bài tập trắc nghiệm

-Chọn đáp án đúng nhất trong các câu sau

Câu 1.Hai con sông gắn liền với sự hình thành nền văn minh Ấn Độ cổ đại?

A. Sông Ấn – Hằng. B. Sông Ti-gơ-rơ và Ơ-phơ-rát.

C. Sông Trường Giang – Hoàng Hà. D. Sông Ơ-phơ-rát và Trường Giang.

Câu 2.Ở Ấn Độ, những thành thị đầu tiên xuất hiện vào khoảng thời gian nào?

A. 1000 năm TCN. B. 1500 năm TCN.

C. 2000 năm TCN. **D. 2500 năm TCN.**

Câu 3. Văn hóa Ấn Độ được truyền bá và có ảnh hưởng mạnh mẽ, sâu rộng nhất ở

A. Việt Nam. B. Trung Quốc.

C. các nước Ả Rập. **D. các nước Đông Nam Á.**

Câu 4.Chữ viết riêng của người Ấn Độ cổ đại là

A. chữ tượng hình. B. chữ hình nêm.

C. chữ Phạn. D. chữ Hin-đu.

Câu 5. Nối những ý ở cột A với những ý ở cột B sao cho phù hợp?

Cột A	Cột B	Kết quả
A. Bra-man	1. Vương công – vũ sĩ.	A+...
B. Ksa-tri-a	2. Người bình dân.	B+...
C. Su-đra	3. Người có địa vị thấp kém.	C+...
D. Vai-si-a	4. Tầng lữ - quý tộc.	D+...

c. Sản phẩm

**Dự kiến sản phẩm*

Câu	1	2	3	4	5			
Đáp án	A	D	D	C	A+4	B+1	C+3	D+2

d.Tổ chức thực hiện

Bước 1. GV chuyển giao nhiệm vụ học tập

Dựa vào kiến thức vừa học hãy hoàn thành các bài tập trắc nghiệm sau đây (Chọn câu trả lời đúng nhất)

Bước 2. HS thực hiện nhiệm vụ học tập

Hs giờ tay nhanh nhất để trả lời câu hỏi

Bước 3. Báo cáo, thảo luận

Câu trả lời của HS

Bước 4:Kết luận, nhận định

HS nhận xét bài làm của bạn

GV đánh giá việc thực hiện nhiệm vụ của học sinh, chuẩn xác kiến thức (nếu cần)

HĐ4. Vận dụng

a. Mục tiêu:Tìm tòi, mở rộng sự hiểu biết về ảnh hưởng của nền văn minh Ấn Độ cổ đại đến Việt Nam

b. Nội dung:

-Vận dụng kiến thức đã học mở rộng sự hiểu biết về nền văn minh Ấn Độ cổ đại.

-Liên hệ thực tế Việt Nam

c. Sản phẩm:Sản phẩm học tập của học sinh

d. Tổ chức hoạt động:

Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ

Câu hỏi:Dựa vào kiến thức thực tế và bài học, em hãy tìm và kể tên những di tích lịch sử - văn hóa của Việt Nam chịu ảnh hưởng từ nền văn minh Ấn Độ cổ đại?

Bước 2. HS thực hiện nhiệm vụ học tập

HS thực hiện nhiệm vụ thông qua sự định hướng và giúp đỡ của GV

Bước 3. Báo cáo, thảo luận

Hs báo cáo sản phẩm của nhóm bằng việc dán phiếu học tập của nhóm lên bảng. Đại diện nhóm trình bày sản phẩm – tương tác với nhóm bạn

Bước 4: Kết luận, nhận định

HS nhận xét bài làm của nhóm bạn

GV đánh giá việc thực hiện nhiệm vụ của học sinh, chuẩn xác kiến thức (nếu cần)

GV hướng dẫn HS chuẩn bị bài cho tiết học tiếp theo

----------

Ngày soạn: 22/10/2023

TIẾT 15- BÀI 8 **TRUNG QUỐC TỪ THỜI CỔ ĐẠI ĐẾN THẾ KỈ VII**

I. MỤC TIÊU

1. Về kiến thức

- Giới thiệu được những đặc điểm về điều kiện tự nhiên của Trung Quốc thời cổ đại.
- Mô tả được sơ lược quá trình thống nhất lãnh thổ và sự xác lập chế độ phong kiến ở Trung Quốc dưới thời Tần Thủy Hoàng.
- Xây dựng được trục thời gian từ thời Hán, Nam Bắc triều đến nhà Tùy.
- Nêu được những thành tựu chủ yếu của nền văn minh Trung Quốc thời cổ đại.

2. Năng lực

- Năng lực riêng :

- Phát triển năng lực tìm hiểu lịch sử:
- Biết khai thác và sử dụng được các sơ đồ, lược đồ, nguồn tư liệu hình ảnh, chữ viết trong bài học.
- Phát triển năng lực nhận thức và tư duy lịch sử:
- Trình bày được những điều kiện tự nhiên của Trung Quốc cổ đại.
- Mô tả được sơ lược quá trình thống nhất lãnh thổ và sự xác lập chế độ phong kiến ở Trung Quốc dưới thời Tần Thủy Hoàng.
- Xây dựng được trục thời gian từ thời Hán, Nam Bắc triều đến nhà Tùy.
- Nêu được những thành tựu chủ yếu của nền văn minh Trung Quốc thời cổ đại.
- Phát triển năng lực vận dụng:
- Kỹ năng trình bày và giải thích chủ kiến về vai trò của nhà Tần; tư tưởng “Tiên học lễ, hậu học văn”
- Vận dụng hiểu biết để làm rõ vai trò của phát minh kỹ thuật làm giấy đối với xã hội hiện đại.

3. Phẩm chất

- Có thái độ khách quan trong nhìn nhận các nhân vật và sự kiện lịch sử
- Có ý thức tôn trọng và học hỏi cái hay, cái đẹp trong văn hóa của các dân tộc khác.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG

a. Mục tiêu: Tạo tâm thế hứng thú cho học sinh và từng bước làm quen bài học.

b. Nội dung: GV trình bày vấn đề, HS trả lời câu hỏi.

c. Sản phẩm học tập: HS lắng nghe và tiếp thu kiến thức.

d. Tổ chức thực hiện:

-GV chiếu 1 số hình ảnh và yêu cầu HS trả lời câu hỏi:

? Các hình ảnh trên đây gợi cho chúng ta nhớ tới đất nước nào?



- HS tiếp nhận nhiệm vụ, trả lời câu hỏi theo ý kiến cá nhân.
- Sau khi HS trả lời, GV nhận xét, đánh giá và dẫn dắt vào bài mới.

Vậy Trung Quốc được hình thành từ bao giờ, như thế nào, đạt các thành tựu văn hóa nổi bật gì? Cô trò ta cùng nhau tìm hiểu trong bài học ngày hôm nay.

B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

Hoạt động 1: Điều kiện tự nhiên của Trung Quốc

a. Mục tiêu: Giới thiệu được những đặc điểm về điều kiện tự nhiên của Trung Quốc thời cổ đại.

b. Nội dung: Đọc thông tin SGK, nghe giáo viên hướng dẫn, học sinh thảo luận và trao đổi.

c. Sản phẩm học tập: Sản phẩm làm việc của HS.

d. Tổ chức thực hiện

HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS	KIẾN THỨC CƠ BẢN
Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập - GV yêu cầu một HS đứng dậy đọc to, rõ ràng nội dung thông tin mục 1. Điều kiện tự nhiên của Trung Quốc trong sgk. - GV yêu cầu HS quan sát lược đồ hình 8.1: ? Theo em, diện tích lãnh thổ Trung Quốc thời cổ đại có điểm gì khác so với Trung Quốc ngày nay? ? Nhà nước Trung Quốc cổ đại ra đời có giống Ai Cập, Lưỡng Hà, Ấn Độ hay không? Vì sao? - Quan sát hình 8.2 và trả lời câu hỏi:	1. Điều kiện tự nhiên - Thời cổ đại, Trung Quốc nhỏ hơn ngày nay. - Những nhà nước cổ đại đầu tiên ra đời ở lưu vực sông Hoàng Hà; tiếp đó là ở hạ lưu sông Trường Giang.

? Theo em, sông Hoàng Hà đã tác động tích cực và tiêu cực như thế nào đến cuộc sống của cư dân Trung Quốc thời cổ đại?

Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập

- HS đọc sgk và thực hiện yêu cầu.

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận

- HS suy nghĩ, trả lời

- HS khác nhận xét, đánh giá.

Bước 4: Đánh giá kết quả, thực hiện nhiệm vụ học tập

+ GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức, chuyển sang nội dung mới.

+ Gv mở rộng:

Sông “Hoàng Hà” còn gọi là gọi là sông Vàng vì sông này mang theo lượng phù sa khổng lồ nên lòng sông luôn có màu Vàng . Dân Trung Quốc có câu “một bát nước sông Hoàng Hà, nửa bát là phù sa”; trung bình $1m^3$ nước sông Hoàng Hà chứa 34 gam phù sa (sông Nin là $1g/1m^3$ phù sa, sông Colorado $13g/1m^3$ phù sa).

→ Trung Quốc cổ đại ra đời sớm từ TNK

III.TCN

+ Tại sao lại nói “Hoàng Hà vừa là niềm kiêu hãnh vừa là nỗi buồn của nhân dân Trung Quốc”. (nói được điểm tích cực: nước nhiều và bồi đắp phù sa khổng lồ; tiêu cực: phù sa khổng lồ gây ra hiện tượng bồi lấp phù sa, thay đổi dòng chảy gây ra hiện tượng vỡ đê, lũ lụt thường xuyên diễn ra. Trong hơn 2.500 năm, sông Hoàng Hà đã bị vỡ đê tới 1.600 lần, tính tới thời điểm tháng 9.2019. Trong suốt thời gian đó, sông Hoàng Hà cũng đã có 26 lần chuyển dòng chảy lớn ở vùng hạ lưu. Do lũ lụt nhiều nên vô hình chung bồi đắp lượng phù sa lớn, tạo điều kiện cho sự hình thành nền nông nghiệp và là cái nôi của nền văn minh Trung Quốc).

Hoạt động 2: Quá trình thống nhất và sự xác lập chế độ phong kiến dưới thời Tần Thủy Hoàng

a.Mục tiêu: Mô tả được sơ lược quá trình thống nhất lãnh thổ và sự xác lập chế độ phong kiến ở Trung Quốc dưới thời Tần Thủy Hoàng.

b.Nội dung: Đọc thông tin sgk, nghe giáo viên hướng dẫn, học sinh thảo luận, trao đổi.

c. Sản phẩm học tập: Câu trả lời của học sinh.

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS	KIẾN THỨC CƠ BẢN
GV yêu cầu một HS đứng dậy đọc to, rõ ràng nội dung thông tin mục 2 trong sgk. Hoạt động cá nhân Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập - GV yêu cầu hs quan sát hình 8.3 và trả lời câu hỏi:	2. Quá trình thống nhất và sự xác lập chế độ phong kiến dưới thời Tần Thủy Hoàng - Năm 221 TCN, Tần Thủy Hoàng đã thống nhất lãnh thổ, tự xưng hoàng đế, lập ra triều đại phong kiến đầu tiên ở Trung Quốc. - Nhà Tần tiến hành thống nhất mọi mặt

? Về sơ đồ các mốc thời gian chủ yếu trong tiến trình Tần Thủy Hoàng thống nhất Trung quốc?

Bước2:HS thực hiện nhiệm vụ học tập

-HS đọc sgk và thực hiện nhiệm vụ.

- GVquan sát HS hoạt động, hỗ trợ nếu HS cần.

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận

- HS báo cáo kết quả

-HS khác nhận xét, đánh giá.

Bước4:Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập

-GV đánh giá,nhận xét,chuẩn kiến thức.

Hoạt động nhóm

Bước1:GVchuyểngiaonhiệmvụ học tập

- GV yêu cầu hs thảo luận nhóm hoàn thiện phiếu bài tập (theo kĩ thuật 5W1H)

Phiếu học tập

Tiểu quốc nào đã thống nhất TQ:.....

Nhân vật nào đã thống nhất TQ:.....

TQ thống nhất vào năm nào :.....

Tần Thủy Hoàng đã thi hành những chính sách nào sau thống nhất TQ:.....

Tại sao Tần Thủy Hoàng lại thống nhất được TQ:.....

Đánh giá vai trò của nhà Tần với lịch sử TQ:

.....

Bước2:HSthựcchiệnnhiệmvụ học tập

-HS đọc sgk và thực hiện nhiệm vụ.

- GVquan sát HS hoạt động, hỗ trợ nếu HS cần.

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận

-GV gọi HS đứng dậy báo cáo kết quả làm việc của nhóm.

-GV gọi HS nhóm khác nhận xét, đánh giá.

Bước4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập

-GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức.

Gv mở rộng

- Tần có tiềm lực đất nước mạnh từ sau cải cách Thương Ưởng thời Tần Hiếu Công (359 – 338 TCN), thực hiện chính sách ngoại giao “bê đũa từng chiếc” – tức là lợi dụng các tiểu quốc này mâu thuẫn lẫn nhau để thôn tính dần từng tiểu quốc của Tần Doanh Chính

- Hoàng đế sau khi thống nhất đất nước, nhấn mạnh thống nhất lãnh thổ đặt nền móng cho ông hoàn thành thống nhất toàn diện Trung Quốc

nhằm đặt nền tảng cho sự phát triển lâu dài của Trung Quốc về sau.

- Năm 206 TCN, nhà Tần bị lật đổ, nhà Hán được thành lập.

- Xã hội phong kiến Trung Quốc gồm hai giai cấp: địa chủ và nông dân lĩnh canh; địa chủ bóc lột nông dân lĩnh canh bằng địa tô.

- + thống nhất quân sự – chấm dứt chiến tranh, thống nhất và mở rộng lãnh thổ
- + thống nhất chính trị - xác lập nhà nước quân chủ chuyên chế (phong kiến)
- + thống nhất tiền tệ– tiện cho lưu thông và trao đổi hàng hoá
- + thống nhất chữ viết– tạo điều kiện cho tiếp xúc giữa các vùng miền và giao lưu văn hoá.

Hoạt động cá nhân

Bước1:GV chuyển giao nhiệm vụ học tập

- GV yêu cầu hs trả lời câu hỏi:
? Xã hội Trung Quốc cổ đại ban đầu gồm các giai cấp nào ?
- + Đến thời Tần thống nhất Trung Quốc, xã hội Trung Quốc đã xuất hiện giai cấp mới nào ?
- + Các giai cấp mới đó được hình thành từ các giai cấp nào của xã hội cổ đại ?
- + Quan hệ giữa các giai cấp mới dựa trên cơ sở nào ?

Bước2:HS thực hiện nhiệm vụ học tập

- HS đọc sgk và thực hiện nhiệm vụ.
- GV quan sát HS hoạt động, hỗ trợ nếu HS cần.

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận

- HS báo cáo kết quả
- HS khác nhận xét, đánh giá.

Bước4:Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập

- GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức.

Hoạt động 3: Trung Quốc từ nhà Hán đến nhà Tùy

a.Mục tiêu:Biết được sự thay đổi các triều đại ở Trung Quốc từ thời Hán đến thời Tùy (206 TCN-thế kỷ VII).

b.Nội dung:Đọc thông tin SGK, nghe giáo viên hướng dẫn, học sinh thảo luận, trao đổi.

c. Sản phẩm học tập: Câu trả lời của HS.

d. Tổ chức thực hiện

HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS	KIẾN THỨC CƠ BẢN												
Bước1:GV chuyển giao nhiệm vụ học tập - GV yêu cầu HS dựa vào sơ đồ hình 8.6 thảo luận cặp đôi trả lời các câu hỏi trong phiếu học tập sau: <i>Phiếu học tập</i> 1. Thời kì này gắn liền với mấy triều đại ? Là những triều đại nào? 2. Triều đại nào tồn tại lâu nhất? Triều đại nào tồn tại ngắn nhất? 3. Triều đại nào tái thống nhất đất nước và đặt cơ sở để TQ bước vào thời kỳ đỉnh cao của chế độ phong kiến? 4. Thời kỳ này nước ta bị triều đại nào đô hộ?	3. Trung Quốc từ nhà Hán đến nhà Tùy Hs học theo sơ đồ sgk hoặc bảng sau <table border="1"> <thead> <tr> <th>Triều đại</th><th>Thời gian</th></tr> </thead> <tbody> <tr> <td>Nhà Hán</td><td>206 TCN-220</td></tr> <tr> <td>Thời Tam Quốc</td><td>220-280</td></tr> <tr> <td>Nhà Tấn</td><td>280-420</td></tr> <tr> <td>thời Nam-Bắc triều</td><td>420-581</td></tr> <tr> <td>Nhà Tùy</td><td>581-619</td></tr> </tbody> </table>	Triều đại	Thời gian	Nhà Hán	206 TCN-220	Thời Tam Quốc	220-280	Nhà Tấn	280-420	thời Nam-Bắc triều	420-581	Nhà Tùy	581-619
Triều đại	Thời gian												
Nhà Hán	206 TCN-220												
Thời Tam Quốc	220-280												
Nhà Tấn	280-420												
thời Nam-Bắc triều	420-581												
Nhà Tùy	581-619												

Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập - HS đọc sgk và thực hiện yêu cầu. - GV theo dõi, hỗ trợ HS nếu cần thiết. Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận - GV gọi HS đứng dậy báo cáo kết quả làm việc của nhóm. - GV gọi HS nhóm khác nhận xét, đánh giá. Bước 4: Đánh giá kết quả, thực hiện nhiệm vụ học tập - GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức, chuyển sang nội dung mới.	
--	--

Hoạt động 4: Một số thành tựu của văn minh Trung Quốc

a. Mục tiêu: HS nêu được những thành tựu chủ yếu của nền văn minh Trung Quốc thời cổ đại.

b. Nội dung: Đọc thông tin sgk, nghe giáo viên hướng dẫn, học sinh thảo luận, trao đổi.

c. Sản phẩm học tập: Câu trả lời của học sinh.

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS	KIẾN THỨC CƠ BẢN																																				
Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập - GV yêu cầu hs thảo luận hoàn thiện phiếu học tập sau: <i>Phiếu học tập</i> <table border="1"> <thead> <tr> <th>Lĩnh vực</th><th>Thành tựu</th></tr> </thead> <tbody> <tr><td>Tư tưởng</td><td></td></tr> <tr><td>Chữ viết</td><td></td></tr> <tr><td>Văn học</td><td></td></tr> <tr><td>Tư tưởng</td><td></td></tr> <tr><td>Sử học</td><td></td></tr> <tr><td>Y học</td><td></td></tr> <tr><td>KH-KT</td><td></td></tr> <tr><td>Kiến trúc</td><td></td></tr> </tbody> </table> ? Em ấn tượng nhất với thành tựu nào của người Trung Quốc cổ đại? Tại sao?	Lĩnh vực	Thành tựu	Tư tưởng		Chữ viết		Văn học		Tư tưởng		Sử học		Y học		KH-KT		Kiến trúc		4. Một số thành tựu của văn minh Trung Quốc <table border="1"> <thead> <tr> <th>Lĩnh vực</th><th>Thành tựu</th></tr> </thead> <tbody> <tr> <td>Tư tưởng</td><td>Nho gia, Pháp gia, Đạo gia, Mặc gia</td></tr> <tr> <td>Chữ viết</td><td>Chữ tượng hình (chữ giáp cốt)</td></tr> <tr> <td>Văn học</td><td>Kinh Thi của Khổng Tử và Sở Từ của Khuất Nguyên.</td></tr> <tr> <td>Sử học</td><td>Sử kí của Tư Mã Thiên, Tam quốc chí của Trần Thọ</td></tr> <tr> <td>Y học</td><td>Dùng cây cỏ tự nhiên chữa bệnh (thuốc Nam)</td></tr> <tr> <td>Lịch pháp</td><td>phát minh ra âm lịch và nông lịch.</td></tr> <tr> <td>Khoa học-kỹ thuật</td><td>Trương Hoàn phát minh ra địa động nghi; có 4 phát minh quan trọng (giấy, thuốc nổ, la bàn, kỹ thuật in).</td></tr> <tr> <td>Kiến trúc</td><td>Có nhiều công trình kiến trúc đồ sộ (Vạn lý trường thành...)</td></tr> </tbody> </table>	Lĩnh vực	Thành tựu	Tư tưởng	Nho gia, Pháp gia, Đạo gia, Mặc gia	Chữ viết	Chữ tượng hình (chữ giáp cốt)	Văn học	Kinh Thi của Khổng Tử và Sở Từ của Khuất Nguyên.	Sử học	Sử kí của Tư Mã Thiên, Tam quốc chí của Trần Thọ	Y học	Dùng cây cỏ tự nhiên chữa bệnh (thuốc Nam)	Lịch pháp	phát minh ra âm lịch và nông lịch.	Khoa học-kỹ thuật	Trương Hoàn phát minh ra địa động nghi; có 4 phát minh quan trọng (giấy, thuốc nổ, la bàn, kỹ thuật in).	Kiến trúc	Có nhiều công trình kiến trúc đồ sộ (Vạn lý trường thành...)
Lĩnh vực	Thành tựu																																				
Tư tưởng																																					
Chữ viết																																					
Văn học																																					
Tư tưởng																																					
Sử học																																					
Y học																																					
KH-KT																																					
Kiến trúc																																					
Lĩnh vực	Thành tựu																																				
Tư tưởng	Nho gia, Pháp gia, Đạo gia, Mặc gia																																				
Chữ viết	Chữ tượng hình (chữ giáp cốt)																																				
Văn học	Kinh Thi của Khổng Tử và Sở Từ của Khuất Nguyên.																																				
Sử học	Sử kí của Tư Mã Thiên, Tam quốc chí của Trần Thọ																																				
Y học	Dùng cây cỏ tự nhiên chữa bệnh (thuốc Nam)																																				
Lịch pháp	phát minh ra âm lịch và nông lịch.																																				
Khoa học-kỹ thuật	Trương Hoàn phát minh ra địa động nghi; có 4 phát minh quan trọng (giấy, thuốc nổ, la bàn, kỹ thuật in).																																				
Kiến trúc	Có nhiều công trình kiến trúc đồ sộ (Vạn lý trường thành...)																																				
Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập - HS đọc sgk và thực hiện nhiệm vụ. - GV quan sát HS hoạt động, hỗ trợ nếu HS cần. Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận - GV gọi đại diện các nhóm báo cáo kết quả làm việc của nhóm mình. - GV gọi HS nhóm khác nhận xét, đánh giá. Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập - GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức, chuyển sang nội dung mới.																																					

C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

a. Mục tiêu: Củng cố lại kiến thức đã học thông qua bài tập.

b. Nội dung: Sử dụng sgk, kiến thức đã học để hoàn thành bài tập.

c. Sản phẩm học tập: Kết quả của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

- GV yêu cầu HS hoạt động cặp trả lời các câu hỏi 1,2 trong sgk trang 41
- HS tiếp nhận nhiệm vụ, thảo luận đưa ra câu trả lời:
- GV theo dõi, hỗ trợ
- GV gọi 1,2 cặp đôi trình bày; các cặp đôi khác bổ sung, nhận xét.
- GV nhận xét, chuẩn kiến thức.

D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

a. Mục tiêu: Vận dụng kiến thức đã học để giải bài tập, củng cố kiến thức.

b. Nội dung: Sử dụng kiến thức đã học để hỏi và trả lời, trao đổi.

c. Sản phẩm học tập: Câu trả lời của HS

d. Tổ chức thực hiện:

- GV yêu cầu HS về nhà:

? Trong vai một hướng dẫn viên du lịch, em hãy giới thiệu một thành tựu văn hóa tiêu biểu của Trung quốc từ thời cổ đại đến thế kỉ VII.

- HS tiếp nhận nhiệm vụ, về nhà hoàn thành, trình bày với giáo viên vào tiết học sau.
- GV nhận xét, đánh giá giờ dạy và dặn dò HS chuẩn bị bài học cho giờ học tiếp theo.



Ngày soạn: 26/10/2023

TIẾT 16 - ÔN TẬP GIỮA HỌC KÌ I

I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức

HS nắm được các kiến thức cơ bản của phần Lịch sử thế giới cổ đại

- + Sự xuất hiện của con người trên Trái Đất.
- + Các giai đoạn phát triển của thời nguyên thủy thông qua lao động sản xuất.
- + Các quốc gia cổ đại.
- + Những thành tựu văn hoá lớn thời cổ đại.

2. Kỹ năng

- Bồi dưỡng kỹ năng so sánh, khái quát tạo cơ sở cho việc học tập Lịch sử dân tộc
- Bước đầu so sánh, khái quát và đánh giá các sự kiện Lịch sử

3. Thái độ:

- Giáo dục lòng tự hào ngưỡng mộ sự sáng tạo của con người ở thời đại cổ đại .

4. Định hướng phát triển năng lực:

- Năng lực chung: Năng lực giao tiếp và hợp tác; tự học; giải quyết vấn đề.
- Năng lực chuyên biệt: So sánh, khái quát và đánh giá các sự kiện Lịch sử

II. PHƯƠNG PHÁP: Trực quan, phát vấn, phân tích, nhóm

III. PHƯƠNG TIỆN : Lược đồ thế giới cổ đại - Lược đồ thế giới.

- Tranh ảnh về công trình nghệ thuật.

IV. CHUẨN BỊ

1. Chuẩn bị của giáo viên

- Giáo án word .
- Lược đồ các quốc gia cổ đại, tranh ảnh về công trình nghệ thuật.

2. Chuẩn bị của học sinh

- Đọc trước sách giáo khoa và hoàn thành các nhiệm vụ được giao.

V. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. Ổn định

2. Tổ chức thực hiện

Hoạt động của thầy - trò	Nội dung kiến thức cần đạt				
Hoạt động 1 (5 phút) : Cá nhân Những dấu vết của Người tối cổ được phát hiện ở đâu ? Tại sao biết được dấu vết Người tối cổ? Họ xuất hiện khi nào? GV cho HS xác định nơi có dấu vết của Người tối cổ trên lược đồ.	1. Những dấu vết của Người tối cổ - Người tối cổ sống ở miền đông Châu Phi, Trung Quốc, ĐNA, châu Phi. - Xuất hiện từ 3 đến 4 triệu năm trước đây.				
Hoạt động 2 (10 phút): Nhóm Người tối cổ chuyển thành Người tinh khôn từ khi nào? - Người tinh khôn có gì khác so với Người tối cổ về con người? - Về công cụ sản xuất Người tinh khôn có gì khác so với Người tối cổ? - Về tổ chức xã hội của Người tinh khôn khác Người tối cổ như thế nào?	2. Điểm khác nhau giữa Người tinh khôn và Người tối cổ. - Người tinh khôn xuất hiện cách đây khoảng 4 vạn năm * Sự khác nhau: <table><tr><th>Người tinh khôn</th><th>Người tối cổ</th></tr><tr><td>- Con người +Người tối cổ: Trán thấp và bẹt ra phía sau, u mày cao, khớp cơ thể phủ một lớp lông ngắn, dáng đi hơi còng, lao về phía trước, thể tích sọ não từ 850cm³- 1100cm³. - Công cụ: công cụ đá được cải tiến, công cụ kim loại. - Tổ chức xã hội: Sống trong thị tộc, cùng huyết thống, cuộc sống tiến bộ hơn.</td><td>+ Người tinh khôn: Mặt phẳng, trán cao, không còn lớp lông trên người, dáng đi thẳng, bàn tay nhỏ khéo léo, thể tích sọ não lớn 1450cm³ - Công cụ: hòn đá, cành cây. - Sống thành bầy, bấp bênh.</td></tr></table>	Người tinh khôn	Người tối cổ	- Con người +Người tối cổ: Trán thấp và bẹt ra phía sau, u mày cao, khớp cơ thể phủ một lớp lông ngắn, dáng đi hơi còng, lao về phía trước, thể tích sọ não từ 850cm ³ - 1100cm ³ . - Công cụ: công cụ đá được cải tiến, công cụ kim loại. - Tổ chức xã hội: Sống trong thị tộc, cùng huyết thống, cuộc sống tiến bộ hơn.	+ Người tinh khôn: Mặt phẳng, trán cao, không còn lớp lông trên người, dáng đi thẳng, bàn tay nhỏ khéo léo, thể tích sọ não lớn 1450cm ³ - Công cụ: hòn đá, cành cây. - Sống thành bầy, bấp bênh.
Người tinh khôn	Người tối cổ				
- Con người +Người tối cổ: Trán thấp và bẹt ra phía sau, u mày cao, khớp cơ thể phủ một lớp lông ngắn, dáng đi hơi còng, lao về phía trước, thể tích sọ não từ 850cm ³ - 1100cm ³ . - Công cụ: công cụ đá được cải tiến, công cụ kim loại. - Tổ chức xã hội: Sống trong thị tộc, cùng huyết thống, cuộc sống tiến bộ hơn.	+ Người tinh khôn: Mặt phẳng, trán cao, không còn lớp lông trên người, dáng đi thẳng, bàn tay nhỏ khéo léo, thể tích sọ não lớn 1450cm ³ - Công cụ: hòn đá, cành cây. - Sống thành bầy, bấp bênh.				
Hoạt động 3 (4 phút) : Cá nhân Em hãy kể tên các quốc gia thời cổ đại lớn? GV cho HS xác định vị trí các quốc gia cổ đại trên lược đồ.	3. Các quốc gia lớn thời cổ đại: - Lưỡng Hà, Ai Cập, Ấn Độ, Trung Quốc, Hy Lạp, Rô-ma.				
Hoạt động 4 (4 phút) : Cá nhân Trong xã hội cổ đại có những tầng lớp nào? Trong đó, tầng lớp nào là lực lượng lao động chính của xã hội?	4. Những tầng lớp xã hội chính thời cổ đại - Chủ nô và nô lệ (PT) - Quý tộc, nông dân công xã và nô lệ (PĐ)				
Hoạt động 5 (4 phút) : Cá nhân	5. Các loại nhà nước thời cổ đại: có 2 loại				

Nhà nước ở phương Đông và phương Tây khác nhau như thế nào ?	- Phương Đông: Nhà nước quân chủ - Phương Tây: Nhà nước dân chủ chủ nô
Hoạt động 6 (8 phút) : Cá nhân - Nhóm Thời cổ đại để lại những thành tựu VH nào về chữ viết ? Các nhà khoa học cổ đại đã để lại những gì?	6. Những thành tựu văn lớn thời cổ đại - Lịch: âm lịch, dương lịch - Chữ viết: chữ tượng hình, chữ cái a, b, c... - Chữ số - Về khoa học: Toán, Lý, thiên văn, Lịch sử, Địa lý...
Em hãy kể tên những công trình kiến trúc lớn thời cổ đại? * Thảo luận nhóm: Em hãy thử đánh giá các thành tựu VH lớn thời cổ đại?	- Công trình nghệ thuật: có nhiều công trình nghệ thuật lớn. Di sản văn hoá cổ đại phong phú, đa dạng và có giá trị thực tiễn. - Đặt nền móng cho nhiều ngành khoa học sau này - Đó là tài sản văn hoá vô giá và nói lên khả năng vĩ đại của con người...

4. Củng cố: GV khái quát lại kiến thức cơ bản ở phần trên.

5. Dặn dò: Tiết sau kiểm tra giữa học kì 1

Ngày soạn: 29/10/2023

TIẾT 17,18 - KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ I

A. MỤC TIÊU:

1. Kiến thức :

- Kiểm tra các kiến thức cơ bản từ bài 1 đến 7
- Đánh giá việc nhận thức của học sinh qua bài làm

2. Phẩm chất :

Giáo dục ý thức tự giác, nghiêm túc khi làm bài

3. Năng lực:

Rèn kỹ năng ghi nhớ sự kiện, phân tích, so sánh.

II. CHUẨN BỊ:

1. **Giáo viên:** Đề kiểm tra, đáp án, biểu điểm.

2. **Học sinh:** Ôn tập

III. TIẾN TRÌNH DẠY – HỌC:

1. Ổn định tổ chức:

2. **Kiểm tra:** Phát đề cho HS (Đề và Đ/a đã lưu trong Sổ lưu đề kiểm tra).

3. Hoạt động bổ sung:

- Về xem lại các câu trả lời trong bài kiểm tra của các em đạt được bao nhiêu và phần nào chưa trả lời được cố gắng tìm đáp án để nắm chắc nội dung lại.



Ngày soạn: 5/11/2023

TIẾT 19 - BÀI 8 (tt)

TRUNG QUỐC TỪ THỜI CỔ ĐẠI ĐẾN THẾ KỈ VII

I. MỤC TIÊU

1. Về kiến thức

- Giới thiệu được những đặc điểm về điều kiện tự nhiên của Trung Quốc thời cổ đại.
- Mô tả được sơ lược quá trình thống nhất lãnh thổ và sự xác lập chế độ phong kiến ở Trung Quốc dưới thời Tần Thủy Hoàng.
- Xây dựng được trục thời gian từ thời Hán, Nam Bắc triều đến nhà Tùy.
- Nêu được những thành tựu chủ yếu của nền văn minh Trung Quốc thời cổ đại.

2. Năng lực

- Năng lực riêng :

- Phát triển năng lực tìm hiểu lịch sử:
- Biết khai thác và sử dụng được các sơ đồ, lược đồ, nguồn tư liệu hình ảnh, chữ viết trong bài học.
- Phát triển năng lực nhận thức và tư duy lịch sử:
- Trình bày được những điều kiện tự nhiên của Trung Quốc cổ đại.
- Mô tả được sơ lược quá trình thống nhất lãnh thổ và sự xác lập chế độ phong kiến ở Trung Quốc dưới thời Tần Thủy Hoàng.
- Xây dựng được trục thời gian từ thời Hán, Nam Bắc triều đến nhà Tùy.
- Nêu được những thành tựu chủ yếu của nền văn minh Trung Quốc thời cổ đại.
- Phát triển năng lực vận dụng:
- Kỹ năng trình bày và giải thích chủ kiến về vai trò của nhà Tần; tư tưởng “Tiên học lễ, hậu học văn”
- Vận dụng hiểu biết để làm rõ vai trò của phát minh kỹ thuật làm giấy đối với xã hội hiện đại.

3. Phẩm chất

- Có thái độ khách quan trong nhìn nhận các nhân vật và sự kiện lịch sử
- Có ý thức tôn trọng và học hỏi cái hay, cái đẹp trong văn hóa của các dân tộc khác.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

Hoạt động 1: Trung Quốc từ nhà Hán đến nhà Tùy

a. Mục tiêu: Biết được sự thay đổi các triều đại ở Trung Quốc từ thời Hán đến thời Tùy (206 TCN-thế kỷ VII).

b. Nội dung: Đọc thông tin SGK, nghe giáo viên hướng dẫn, học sinh thảo luận, trao đổi.

c. Sản phẩm học tập: Câu trả lời của HS.

d. Tổ chức thực hiện

HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS	KIẾN THỨC CƠ BẢN		
Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập - GV yêu cầu HS dựa vào sơ đồ hình 8.6 thảo luận cặp đôi trả lời các câu hỏi trong phiếu học tập sau:	3. Trung Quốc từ nhà Hán đến nhà Tùy Hs học theo sơ đồ sgk hoặc bảng sau		
	<table> <tr> <th>Triều đại</th><th>Thời gian</th></tr> </table>	Triều đại	Thời gian
Triều đại	Thời gian		

<i>Phiếu học tập</i> 1. Thời kì này gắn liền với mấy triều đại ? Là những triều đại nào? 2. Triều đại nào tồn tại lâu nhất? Triều đại nào tồn tại ngắn nhất? 3. Triều đại nào tái thống nhất đất nước và đặt cơ sở để TQ bước vào thời kỳ đỉnh cao của chế độ phong kiến? 4. Thời kỳ này nước ta bị triều đại nào đô hộ? Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập - HS đọc sgk và thực hiện yêu cầu. - GV theo dõi, hỗ trợ HS nếu cần thiết. Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận - GV gọi HS đứng dậy báo cáo kết quả làm việc của nhóm. - GV gọi HS nhóm khác nhận xét, đánh giá. Bước 4: Đánh giá kết quả, thực hiện nhiệm vụ học tập - GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức, chuyển sang nội dung mới.	Nhà Hán	206 TCN-220
	Thời Tam Quốc	220-280
	Nhà Tấn	280-420
	Thời Nam-Bắc triều	420-581
	Nhà Tùy	581-619

Hoạt động 2: Một số thành tựu của văn minh Trung Quốc

a. Mục tiêu: HS nêu được những thành tựu chủ yếu của nền văn minh Trung Quốc thời cổ đại.

b. Nội dung: Đọc thông tin sgk, nghe giáo viên hướng dẫn, học sinh thảo luận, trao đổi.

c. Sản phẩm học tập: Câu trả lời của học sinh.

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS	KIẾN THỨC CƠ BẢN																																				
Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập - GV yêu cầu một HS đứng dậy đọc to, rõ ràng nội dung thông tin mục 4 trong sgk. - GV yêu cầu hs thảo luận hoàn thiện phiếu học tập sau: <i>Phiếu học tập</i> <table> <tr> <th>Lĩnh vực</th><th>Thành tựu</th></tr> <tr><td>Tư tưởng</td><td></td></tr> <tr><td>Chữ viết</td><td></td></tr> <tr><td>Văn học</td><td></td></tr> <tr><td>Tư tưởng</td><td></td></tr> <tr><td>Sử học</td><td></td></tr> <tr><td>Y học</td><td></td></tr> <tr><td>KH-KT</td><td></td></tr> <tr><td>Kiến trúc</td><td></td></tr> </table> ? Em ấn tượng nhất với thành tựu nào của người Trung Quốc cổ đại? Tại sao? Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập - HS đọc sgk và thực hiện nhiệm vụ. - GV quan sát HS hoạt động, hỗ trợ nếu HS cần. Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và	Lĩnh vực	Thành tựu	Tư tưởng		Chữ viết		Văn học		Tư tưởng		Sử học		Y học		KH-KT		Kiến trúc		4. Một số thành tựu của văn minh Trung Quốc <table> <tr> <th>Lĩnh vực</th><th>Thành tựu</th></tr> <tr> <td>Tư tưởng</td><td>Nho gia, Pháp gia, Đạo gia, Mặc gia</td></tr> <tr> <td>Chữ viết</td><td>Chữ tượng hình (chữ giáp cốt)</td></tr> <tr> <td>Văn học</td><td>Kinh Thi của Khổng Tử và Sở Từ của Khuất Nguyên.</td></tr> <tr> <td>Sử học</td><td>Sử kí của Tư Mã Thiên, Tam quốc chí của Trần Thọ</td></tr> <tr> <td>Y học</td><td>Dùng cây cỏ tự nhiên chữa bệnh (thuốc Nam)</td></tr> <tr> <td>Lịch pháp</td><td>phát minh ra âm lịch và nông lịch.</td></tr> <tr> <td>Khoa học-kỹ thuật</td><td>Trương Hoàng phát minh ra địa động nghi; có 4 phát minh quan trọng (giấy, thuốc nổ, la bàn, kỹ thuật in).</td></tr> <tr> <td>Kiến trúc</td><td>Có nhiều công trình kiến</td></tr> </table>	Lĩnh vực	Thành tựu	Tư tưởng	Nho gia, Pháp gia, Đạo gia, Mặc gia	Chữ viết	Chữ tượng hình (chữ giáp cốt)	Văn học	Kinh Thi của Khổng Tử và Sở Từ của Khuất Nguyên.	Sử học	Sử kí của Tư Mã Thiên, Tam quốc chí của Trần Thọ	Y học	Dùng cây cỏ tự nhiên chữa bệnh (thuốc Nam)	Lịch pháp	phát minh ra âm lịch và nông lịch.	Khoa học-kỹ thuật	Trương Hoàng phát minh ra địa động nghi; có 4 phát minh quan trọng (giấy, thuốc nổ, la bàn, kỹ thuật in).	Kiến trúc	Có nhiều công trình kiến
Lĩnh vực	Thành tựu																																				
Tư tưởng																																					
Chữ viết																																					
Văn học																																					
Tư tưởng																																					
Sử học																																					
Y học																																					
KH-KT																																					
Kiến trúc																																					
Lĩnh vực	Thành tựu																																				
Tư tưởng	Nho gia, Pháp gia, Đạo gia, Mặc gia																																				
Chữ viết	Chữ tượng hình (chữ giáp cốt)																																				
Văn học	Kinh Thi của Khổng Tử và Sở Từ của Khuất Nguyên.																																				
Sử học	Sử kí của Tư Mã Thiên, Tam quốc chí của Trần Thọ																																				
Y học	Dùng cây cỏ tự nhiên chữa bệnh (thuốc Nam)																																				
Lịch pháp	phát minh ra âm lịch và nông lịch.																																				
Khoa học-kỹ thuật	Trương Hoàng phát minh ra địa động nghi; có 4 phát minh quan trọng (giấy, thuốc nổ, la bàn, kỹ thuật in).																																				
Kiến trúc	Có nhiều công trình kiến																																				

thảo luận - GV gọi đại diện các nhóm báo cáo kết quả làm việc của nhóm mình. -GV gọi HS nhóm khác nhận xét, đánh giá. Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập -GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức, chuyển sang nội dung mới.	trúc đồ sộ (Vạn lí trường thành...)
--	-------------------------------------

C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

- a. Mục tiêu:** Củng cố lại kiến thức đã học thông qua bài tập.
b. Nội dung: Sử dụng sgk, kiến thức đã học để hoàn thành bài tập.
c. Sản phẩm học tập: Kết quả của HS.
d. Tổ chức thực hiện:

- GV yêu cầu HS hoạt động cặp trả lời các câu hỏi 1,2 trong sgk trang 41
- HS tiếp nhận nhiệm vụ, thảo luận đưa ra câu trả lời:
- GV theo dõi, hỗ trợ
- GV gọi 1,2 cặp đôi trình bày; các cặp đôi khác bổ sung, nhận xét.
- GV nhận xét, chuẩn kiến thức.

D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

- a. Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức đã học để giải bài tập, củng cố kiến thức.
b. Nội dung: Sử dụng kiến thức đã học để hỏi và trả lời, trao đổi.
c. Sản phẩm học tập: Câu trả lời của HS
d. Tổ chức thực hiện:

- GV yêu cầu HS về nhà:
? Trong vai một hướng dẫn viên du lịch, em hãy giới thiệu một thành tựu văn hóa tiêu biểu của Trung quốc từ thời cổ đại đến thế kỉ VII.
- HS tiếp nhận nhiệm vụ, về nhà hoàn thành, trình bày với giáo viên vào tiết học sau.
- GV nhận xét, đánh giá giờ dạy và dặn dò HS chuẩn bị bài học cho giờ học tiếp theo.



Ngày soạn: 12/11/2023

TIẾT 20, 21 - BÀI 9: HY LẠP VÀ LA MÃ CỔ ĐẠI

I. MỤC TIÊU

GV giúp HS được các yêu cầu sau:

1. Về kiến thức

- Giới thiệu và nhận xét được tác động của điều kiện tự nhiên (hải cảng, biển đảo) đối với sự hình thành, nền văn minh của Hy Lạp và La Mã.
- Trình bày được tổ chức nhà nước thành bang, nhà nước đế chế ở Hy Lạp và La Mã.
- Nêu được một số thành tựu văn hóa tiêu biểu của Hy Lạp và La Mã.

2. Năng lực

- Tự học, tự chủ thông qua việc học sinh sưu tầm tư liệu, hình ảnh... về Hy Lạp và La mã cổ đại.
- Giải quyết vấn đề sáng tạo thông qua việc giải quyết nhiệm vụ học tập.
- Giao tiếp và hợp tác thông qua hoạt động nhóm.
- Tìm hiểu lịch sử qua việc khai thác các hình ảnh, lược đồ, tư liệu lịch sử.
- Nhận thức lịch sử qua việc sử dụng tư liệu, hình ảnh, để giải thích sự hình thành và phát triển của Hy Lạp và La Mã cổ đại.

3. Phẩm chất

- Giáo dục phẩm chất chăm chỉ trong học tập, lao động.
- Có ý thức, trách nhiệm trong việc bảo tồn và phát huy thành tựu văn hóa.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Đối với giáo viên

- Giáo án, SGK, SGK Lịch sử và Địa lí 6.
- Tranh ảnh, lược đồ, tư liệu về nguồn gốc của loài người trên thế giới, ở Đông Nam Á và Việt Nam.
- Máy tính, máy chiếu (nếu có).

2. Đối với học sinh

- SGK Lịch sử và Địa lí 6.
- Tranh ảnh, tư liệu sưu tầm liên quan đến bài học (nếu có) và dụng cụ học tập theo yêu cầu của GV.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG

a. Mục tiêu: Tạo tình huống học tập, kết nối tri thức HS đã có với kiến thức bài mới, tạo hứng thú cho học sinh.

b. Nội dung: GV trình bày vấn đề, HS trả lời câu hỏi.

c. Sản phẩm học tập: HS lắng nghe và tiếp thu kiến thức.

d. Tổ chức thực hiện:

GV có thể dựa vào dẫn nhập để khởi động như sau:

GV chiếu cho các em xem các hình ảnh



10.7 Nhà hát ngoài trời mang tên thần rượu nho Đì-ô-ni-xốt ở A-tên.



10.8 Thi chạy Ma-ra-tông (Marathon), hình vẽ trên bình gốm, 500 TCN

Nhìn các hình ảnh trên em liên tưởng đến nước nào? Ngày nay nó thuộc quốc gia nào? Từ những hình ảnh trên, em hãy chia sẻ những hiểu biết của mình về quốc gia đó ?

Sau khi HS trả lời Gv dẫn dắt vào bài mới.

B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

Hoạt động 1: Điều kiện tự nhiên

HOẠT ĐỘNG CỦA GV-HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
Bước 1:GV chuyển giao nhiệm vụ học tập - GV yêu cầu HS thảo luận cặp đôi trả lời các câu hỏi trong phiếu học tập sau: <i>Điều kiện tự nhiên có tác động như thế nào đến sự hình thành các nền văn minh Hy Lạp và La Mã?</i> GV gọi đại diện HS các cặp trả lời câu hỏi:	1. Điều kiện tự nhiên a) Hy Lạp cổ đại - Vị trí địa lý:Lãnh thổ rộng, bao gồm miền lục địa Hy Lạp (vùng nam bán đảo Ban-căng), miền đất ven bờ Tiểu Á và các đảo trên biển Ê-giê. - Điều kiện tự nhiên + Địa hình: chủ yếu là đồi núi, ít đồng bằng

<i>Đoạn tư liệu trên cho em biết điều gì về hoạt động kinh tế của Hy Lạp và La Mã trên lược đồ, các cặp khác nhận xét và bổ sung?</i> <i>Gợi ý trả lời; GV mở rộng kiến thức bằng việc phân tích rõ điều kiện tự nhiên của Hy Lạp, từ đó xác định rõ những thuận lợi và khó khăn do điều kiện tự nhiên mang lại. Những ngành kinh tế mang tính chủ đạo ở Hy Lạp và La Mã thủ công nghiệp, thương nghiệp, nông nghiệp trồng cây lâu năm, lúa mì...</i> Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập - GV hướng dẫn, HS đọc SGK và thực hiện yêu cầu. - GV theo dõi, hỗ trợ HS nếu cần thiết. Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận - GV gọi HS trả lời câu hỏi. - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung. Bước 4: Đánh giá kết quả, thực hiện nhiệm vụ học tập.	+ Đất đai khô cằn, thuận lợi cho trồng nho, ô liu. - Khoáng sản: nhiều như: đồng, sắt, vàng, - Có nhiều vịnh, hải cảng thuận lợi cho sự đi lại và trú ẩn của tàu thuyền. b) La Mã cổ đại - Vị trí địa lý: được hình thành trên bán đảo I-ta-li-a (ở Nam Âu) sau được mở rộng ra trên phần lãnh thổ của cả ba châu lục Âu, Á, Phi. - Điều kiện tự nhiên + Đường bờ biển phía nam có nhiều vịnh, hải cảng. + Đất đai được mở rộng, có nhiều đồng bằng và đồng cỏ rộng lớn nên trồng trọt và chăn nuôi có điều kiện phát triển. + Khoáng sản: Có nhiều như: đồng, chì, sắt... nên nghề luyện kim phát triển.
--	--

HOẠT ĐỘNG 2. Tổ chức nhà nước thành bang

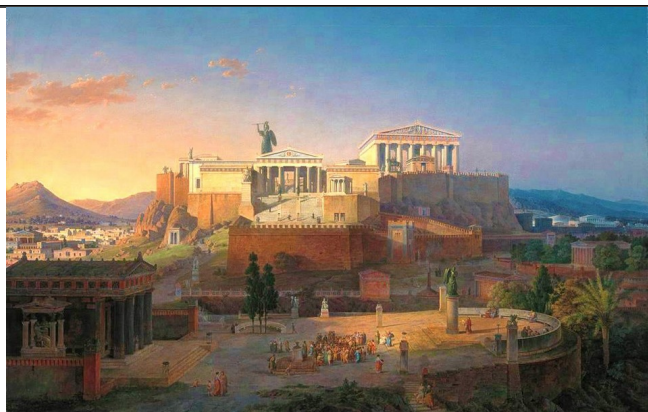
a. Mục tiêu: Trình bày được nhà nước thành bang ở Hy Lạp.

b. Nội dung: GV sử dụng tư liệu hình ảnh, kênh chữ SGK, vấn đáp hướng dẫn HS

c. Sản phẩm học tập: HS lắng nghe và tiếp thu kiến thức.

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV-HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập. GV cung cấp thêm khái niệm “nhà nước thành bang” là những nhà nước nhỏ, có một thành thị là trung tâm, xung quanh là vùng đất trồng trọt. + GV cho HS thảo luận theo nhóm 5-6 HS (Thời gian 4 phút). ? : Trình bày tổ chức nhà nước thành bang ở Hi Lạp. ? : Hãy kể tên các tầng lớp xã hội trong thành bang A-ten. GV cho HS xem Hình 9.3 và đọc dữ liệu trong SGK (tr 44)	2. Tổ chức nhà nước thành bang - Từ thế kỉ VIII đến thế kỉ VI TCN, ở Hy Lạp đã lần lượt ra đời. Trong đó, hai thành bang tiêu biểu nhất là Xpacta và Aten. Đây là nhà nước chiếm hữu nô lệ. - Các thành bang có đường biên giới lãnh thổ, có chính quyền, quân đội, luật pháp, hệ thống kinh tế, đo lường, tiền tệ và những thần bảo hộ riêng.



Hình 9.3: Nhà nước thành bang A-ten.

+ GV có thể dẫn dắt: Từ thế kỉ VIII đến thế kỉ VI TCN, ở Hy Lạp đã lần lượt ra đời. Trong đó, hai thành bang tiêu biểu nhất là Xpacta và Aten. Đây là nhà nước chiếm hữu nô lệ.

GV gợi ý: GV phân tích rõ tính chất nền dân chủ cổ đại của Hy Lạp. Nền dân chủ được thể hiện rõ qua việc các công dân thành bang A-ten có những quyền nào. Đó chính là nền dân chủ sơ khai

GV cũng cần nhấn mạnh đến hạn chế của nền dân chủ này: chỉ một bộ phận cư dân được hưởng quyền công dân. Còn đa số nô lệ không có quyền.

GV mở rộng kiến thức về chế độ nô lệ ở Hy Lạp, đặc biệt là tình trạng buôn bán ma túy.

Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập

- GV hướng dẫn, HS đọc SGK và thực hiện yêu cầu.

- GV theo dõi, hỗ trợ HS nếu cần thiết.

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận

- GV gọi HS trả lời câu hỏi.

- GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung.

Bước 4: Đánh giá kết quả, thực hiện nhiệm vụ học tập.

GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức, chuyển sang nội dung mới.

HOẠT ĐỘNG 3. Tổ chức nhà nước để chế

a. Mục tiêu: Trình bày được tổ chức nhà nước để chế ở La Mã

b. Nội dung: Những mốc chính trong quá trình phát triển và suy tàn của đế chế La Mã; tổ chức nhà nước để chế ở La Mã.

c. Sản phẩm học tập: HS lắng nghe và tiếp thu kiến thức.

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV- HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập. GV cho hoạt động theo cặp, Thời gian 2 phút, trả lời các câu hỏi: ? Dựa vào lược đồ hình 9.2, hình 9.4, 9.5 và đọc thông tin, hãy trình bày tổ chức nhà nước để chế La Mã. ? So với nhà nước thành bang ở Hy Lạp, nhà nước để	3. Tổ chức nhà nước để chế - Từ một thành bang nhỏ bé ở miền trung bán đảo I-ta-ly, La Mã đã dần mở rộng lãnh thổ và trở thành một đế chế rộng lớn, quyền của lực của người đứng

chế ở La Mã có điểm gì khác?

GV khuyến khích học sinh tìm hiểu thêm tiểu sử các nhân vật: Ốc-ta-viu-xơ, Ô-gu-xtu-xơ.

GV gọi HS trả lời câu hỏi, các cặp khác nhận xét và bổ sung.

GV chốt lại nội dung kiến thức.



Hình 9.4. Tượng Ô-gu-xtu-xơ



Hình 9.5: Một thành viên đang diễn thuyết tại Viện Nguyên lão (tranh minh họa)

Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập

- GV hướng dẫn, HS đọc SGK và thực hiện yêu cầu.
- GV theo dõi, hỗ trợ HS nếu cần thiết.

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận.

- GV gọi HS trả lời câu hỏi.
- GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung.

4.Đánh giá kết quả, thực hiện nhiệm vụ học tập.

GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức, chuyển sang nội dung mới.

đầu là rất lớn nhưng cũng có sự khác biệt qua từng thời kì.

- Từ năm 27 TCN, Ốc-ta-viu-xơ trở thành người thống trị duy nhất ở La Mã.

Ốc-ta-viu-xơ đã nắm trong tay mọi quyền hành và được gọi là Ô-gu-xtu-xơ (đấng cao cả, tối cao).

- Dưới thời Ô-gu-xtu-xơ, vai trò của Viện Nguyên lão được coi trọng, với số nghị viên khoảng 600 người, nhiều chức năng của Đại hội nhân dân trước đó được chuyển giao cho Viện Nguyên lão.

HOẠT ĐỘNG 4. Một số thành tựu văn hóa tiêu biểu của Hy Lạp và La Mã.

a. Mục tiêu: HS nêu được một số thành tựu tiêu biểu của văn minh Hy Lạp, La Mã.

b. Nội dung: GV tổ chức cho HS quan sát lược đồ tranh ảnh để trả lời câu hỏi.

c. Sản phẩm học tập: Vẽ được vẽ sơ đồ tư duy thể hiện thành tựu và lí giải thành tựu ấn tượng nhất.

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV-HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
Bước 1:	4. Một số thành tựu văn hóa tiêu biểu

- Cho HS khai thác hình và nội dung thông tin trong SGK và thực hiện yêu cầu: <i>Kể một số thành tựu văn hoá tiêu biểu của Hy Lạp và La Mã cổ đại.</i> Bước 2: - Có thể cho một số HS trình bày trước lớp. Sau đó, GV nên giới thiệu và phân tích kĩ một số thành tựu để HS hiểu rõ giá trị lớn lao mà nền văn minh Hy Lạp, La Mã cổ đại để lại cho nhân loại, + Về chữ viết: Trên cơ sở học tập chữ viết của người phương Đông, người Hy Lạp và La Mã đã sáng tạo ra chữ cái La-tinh, trở thành chữ viết của nhiều quốc gia trên thế giới hiện nay. + Về khoa học: Người Hy Lạp đã khái quát thành những định lí, định đề đặt nền móng cho sự ra đời của các khoa học sau này. GV cũng có thể mở rộng, kể thêm về một số nhà bác học như Pi-ta-go, Ta-lét, Ác-si-mét, Hê-rô-đốt,... + Về lịch: Ở đây, GV chỉ cần định hướng cho HS hiểu được người Hy Lạp và La Mã biết rút kinh nghiệm, nâng cao hiểu biết, làm lịch chính xác hơn gọi là dương lịch. Bước 3: - GV có thể đặt câu hỏi để rèn luyện thêm kĩ năng nhận xét, trình bày cho HS: <i>Em ấn tượng với thành tựu nào nhất? Vì sao?</i> HS có thể trả lời và giải thích lí do theo cách hiểu của mình. GV cần khuyến khích, động viên HS. HS nêu được một số di sản tiêu biểu của văn minh Hy Lạp, La Mã và tự tin trình bày được trước lớp. Bước 4: GV đánh giá kết quả hoạt động của HS . Chính xác hóa các kiến thức đã hình thành cho học sinh.	của Hy Lạp và La Mã Dựa trên sự tiến bộ và trình độ phát triển cao về kinh tế công thương nghiệp và thể chế dân chủ, cư dân Hy Lạp và La Mã cổ đại đã để lại rất nhiều di sản có giá trị cho nhân loại trên nhiều lĩnh vực: chữ viết, văn học, khoa học tự nhiên, lịch, luật pháp, kiến trúc và điêu khắc,...	
--	--	--

C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

a. Mục tiêu: Nhằm củng cố, hệ thống hóa, hoàn thiện kiến thức mới mà HS đã được lĩnh hội ở hoạt động hình thành kiến thức về

b. Nội dung: GV giao nhiệm vụ cho HS và chủ yếu cho làm việc *cá nhân* để hoàn thành bài tập. Trong quá trình làm việc HS có thể trao đổi với bạn hoặc thầy, cô giáo.

c. Sản phẩm: hoàn thành bài tập;

d. Tổ chức thực hiện:

Câu 1. HS nêu được những đặc điểm đặc biệt về điều kiện tự nhiên của Hy Lạp, La Mã: đường bờ biển có nhiều vũng, vịnh, thuận lợi để xây dựng các hải cảng, riêng La Mã về sau có đồng bằng, đồng cỏ để trồng trọt, chăn nuôi. Cả Hy Lạp, La Mã đều có nhiều khoáng sản.

D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

a. Mục tiêu: Vận dụng kiến thức mới mà HS đã được lĩnh hội để giải quyết những vấn đề mới trong

học tập.

b. Nội dung: GV tổ chức cho HS thảo luận nhóm ở lớp và hoàn thành bài tập ở nhà

c. Sản phẩm: bài tập nhóm

Câu 2. Có thể tổ chức HS theo nhóm, dựa vào những kiến thức đã học để tranh luận, có thể đưa ra ý kiến, khác nhau hoặc cùng ý kiến, nhưng quan trọng là có lí lẽ đúng để bảo vệ cho ý kiến của mình.

Câu 3. GV hướng dẫn HS tham khảo, đọc nội dung SGK, tìm kiếm thông tin trên một số website và sách báo để tìm hiểu và giới thiệu những thành tựu văn hoá của Hy Lạp, La Mã cổ đại còn được bảo tồn đến ngày nay. HS có thể tự do sáng tạo các hình thức giới thiệu nhưng đảm bảo được nội dung thông tin, kèm hình ảnh minh hoạ cho nội dung.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

HS tìm hiểu trên internet về:

- Đền Pác-tê-nông
- Pê-ri-clét
- Đấu trường Cô-li-dê
- Tượng lực sĩ ném đĩa
- Xê-da là một trong những nhà quân sự và chính trị gia lỗi lạc nhất trong lịch sử thế giới, đồng thời là nhà sử học, nhà văn lớn của La Mã cổ đại. Ông có vai trò lớn trong việc chuyển đổi từ nền Cộng hoà sang Đế chế La Mã. Câu nói nổi tiếng bằng tiếng La-tinh “Veni, Vidi, Vici” (có nghĩa là “Ta đến, Ta thấy, Ta chinh phục”) được cho là câu nói nổi tiếng của Xê-da.

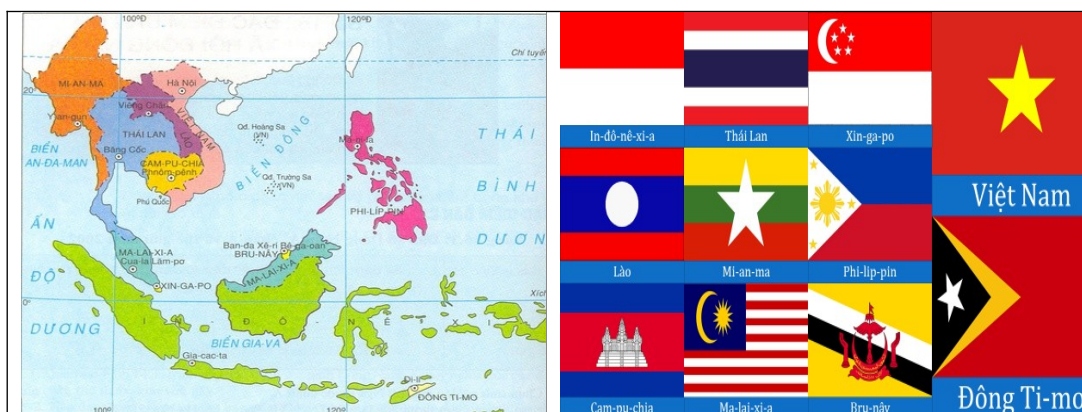
- Bảng chữ số La Mã: Số La Mã hay chữ số La Mã là hệ thống chữ số cổ đại do người La Mã sáng tạo. Hệ thống này dựa trên một số lối tự La-tinh nhất định. Chữ số La Mã được sử dụng cho đến khi đế chế La Mã suy tàn và cho đến thế kỉ XIV thì nó đã không còn được sử dụng rộng rãi mà được thay thế bởi hệ chữ số Ả Rập tiện dụng hơn (được tạo thành bởi các số từ 0 đến 9). Tuy nhiên, hiện nay, chữ số La Mã vẫn còn được sử dụng trong việc đánh số trên mặt đồng hồ, để gán vị trí hợp âm trong âm nhạc, các sự kiện lớn và đánh dấu thứ tự những người lãnh đạo chính trị (Sắc-lơ I, Sắc-lơ II,...

Ngày soạn: 26/11/2023

CHƯƠNG IV. ĐÔNG NAM Á (TỪ NHỮNG THẾ KỈ TIẾP GIÁP CÔNG NGUYÊN ĐẾN THẾ KỈ X)

Tiết 22, 23 - Bài 10

SỰ RA ĐỜI VÀ PHÁT TRIỂN CỦA CÁC VƯƠNG QUỐC Ở ĐÔNG NAM Á (TỪ NHỮNG THẾ KỈ TIẾP GIÁP CÔNG NGUYÊN ĐẾN THẾ KỈ X)



I. MỤC TIÊU (Học xong bài học, học sinh sẽ đạt được)

1. Về kiến thức:

- Trình bày được sơ lược vị trí địa lí của khu vực Đông Nam Á.
- Trình bày được quá trình xuất hiện và sự giao lưu thương mại của các quốc gia sơ kì ở Đông Nam Á từ đầu Công nguyên đến thế kỉ VII.

2. Về năng lực:

- Năng lực chung

- + Tự chủ và tự học: Tự đặt được mục tiêu học tập để nỗ lực phấn đấu thực hiện.
- + Giao tiếp và hợp tác: Hiểu rõ nhiệm vụ cá nhân, nhóm; đánh giá được khả năng của mình và tự nhận công việc phù hợp bản thân.
- + Giải quyết vấn đề sáng tạo: Phân tích, tóm tắt những thông tin từ nhiều nguồn khác nhau để hoàn thành nhiệm vụ.

- Năng lực riêng

- + Tìm hiểu lịch sử: Khai thác các thông tin có trong hình ảnh, tư liệu, đọc bản đồ xác định mối liên hệ giữa các quốc gia Đông Nam Á thời cổ với các nước Đông Nam Á hiện tại.
- + Nhận thức và tư duy lịch sử: Nêu được vị trí địa lý của khu vực. Miêu tả được sự xuất hiện của các vương quốc cổ ở Đông Nam Á. Nêu được sự hình thành và phát triển ban đầu của các quốc gia Đông Nam Á.
- + Vận dụng kiến thức đã học để liên hệ với tình hình hiện tại.

3. Về phẩm chất:

- Nhân ái, biết tôn trọng sự khác biệt giữa các nền văn hóa, học hỏi để hòa nhập.
- Có ý thức bảo tồn và phát huy những giá trị văn hóa chung của khu vực ĐNÁ.
- Giáo dục tinh thần chung thống nhất của khu vực và hướng tới cộng đồng chung ASEAN

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

- SGK, SGV.
- Một số video, tranh ảnh liên quan đến nội dung bài học.
- Máy chiếu, máy tính
- Giấy A1 hoặc bảng phụ để HS làm việc nhóm.
- Phiếu học tập.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

Hoạt động 1: XÁC ĐỊNH VẤN ĐỀ

a) Mục tiêu: Giúp HS

- Giúp học sinh nắm được các nội dung cơ bản bước đầu của bài học cần đạt được, đưa học sinh vào tìm hiểu nội dung bài học, tạo tâm thế cho học sinh đi vào tìm hiểu bài mới.

b) Nội dung:

GV: Chia nhóm lớp và giao nhiệm vụ.

HS quan sát hình ảnh, làm việc nhóm để trả lời câu hỏi của GV

c) Sản phẩm:

- HS lắng nghe và tiếp thu kiến thức ban đầu về ĐNÁ

d) Tổ chức thực hiện:

B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)

- Chiếu lược đồ ĐNÁ ngày nay và đặt câu hỏi:

? Em hiểu thế nào là ĐNÁ?

? Đông Nam Á ngày nay gồm bao nhiêu quốc gia?

B2: Thực hiện nhiệm vụ

GV: Hướng dẫn HS quan sát, phân tích lược đồ và trả lời câu hỏi.

HS: Quan sát, phân tích hình ảnh và ghi kết quả thảo luận ra phiếu học tập.

B3: Báo cáo thảo luận

GV:

- Yêu cầu đại diện của một vài nhóm lên trình bày sản phẩm, chỉ bản đồ.
- Hướng dẫn HS báo cáo (nếu các em còn gặp khó khăn).

HS:

- Đại diện báo cáo sản phẩm nhóm

- HS còn lại theo dõi, nhận xét, bổ sung cho nhóm bạn (nếu cần).

B4: Kết luận, nhận định (GV)

- Nhận xét (hoạt động nhóm của HS và sản phẩm), chốt kiến thức, chuyển dẫn vào hoạt động hình thành kiến thức mới.

- Viết tên bài, nêu mục tiêu chung của bài và dẫn vào HĐ tiếp theo.

HĐ 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI

1. Vị trí địa lý của Đông Nam Á

a) Mục tiêu: HS nhận biết được vị trí địa lí của Đông Nam Á trên bản đồ. HS nhận biết được đặc điểm nổi bật về địa hình của Đông Nam Á.

b) Nội dung: GV yêu cầu HS quan sát lược đồ hình 12.1 (tr.63), kết hợp khai thác thông tin trong SGK để khai thác

c) Sản phẩm học tập: trả lời được các câu hỏi của giáo viên

d) Tổ chức thực hiện:

HĐ của thầy và trò	Sản phẩm dự kiến
B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV) - GV yêu cầu HS quan sát lược đồ hình 10.1 (tr.49), kết hợp khai thác thông tin trong SGK đặt câu hỏi. ? Em hãy xác định vị trí địa lí của khu vực Đông Nam Á? B2: Thực hiện nhiệm vụ GV quan sát, theo dõi quá trình học sinh thực hiện, gợi ý nếu cần. HS: - Quan sát ngữ liệu trong SGK. - Làm việc cá nhân, suy nghĩ tìm câu trả lời. B3: Báo cáo, thảo luận GV mời 1 vài hs lên chỉ trên lược đồ và trình bày vị trí địa lí của Đông Nam Á HS nhận biết được vị trí địa lí của Đông Nam Á trên bản đồ. B4: Kết luận, nhận định (GV) Nhận xét câu trả lời của HS và chốt kiến thức lên màn hình. GV có thể mở rộng kiến thức Đông Nam Á nằm ở "ngã tư đường" giữa châu Á và châu Đại Dương, Thái Bình Dương và Ấn Độ Dương. Eo biển Ma-lắc-ca chính là "yết hầu" của giao lộ này, địa vị chiến lược trọng yếu vô cùng. Eo biển Ma-lắc-ca nằm ở giữa bán đảo Mã Lai và đảo Sumatra, lưu thông tàu thủy các nước bờ tây Thái Bình Dương phần nhiều đi qua tuyến hàng hải này hướng tới Nam Á, Tây Á, bờ biển phía đông châu Phi và các nước đi sát bờ biển ở châu Âu.	1. Vị trí địa lý của Đông Nam Á - Đông Nam Á nằm ở phía đông nam của châu Á, cầu nối liền giữa Ấn Độ Dương với Thái Bình Dương; là cầu nối giữa lục địa Á – Âu với lục địa Ô-xtray-li-a.

2. Quá trình xuất hiện các vương quốc cổ ở Đông Nam Á từ thế kỉ VII TCN đến thế kỉ VII

a. Mục tiêu: HS rút ra được quá trình hình thành các quốc gia sơ kì ở Đông Nam Á b. Nội dung: - GV sử dụng nhóm bàn (5 phút) để tổ chức cho HS khai thác đơn vị kiến thức. - HS suy nghĩ cá nhân, làm việc nhóm và hoàn thiện nhiệm vụ. c) Sản phẩm: Phiếu học tập đã hoàn thành của HS. d) Tổ chức thực hiện	
HĐ của thầy và trò	Sản phẩm dự kiến
B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV) - Giao nhiệm vụ nhóm bàn 5 phút. ? Quan sát hai lược đồ 10.2 và đọc thông tin em hãy trình bày quá trình xuất hiện các vương quốc cổ ở Đông Nam Á gắn với các quốc gia nào ngày nay (dựa vào 10.1)? ? Các vương quốc cổ được hình thành nhiều nhất ở khu vực lục địa hay hải đảo ? Vì sao ? B2: Thực hiện nhiệm vụ HS suy nghĩ cá nhân và thảo luận nhóm. GV hướng dẫn, hỗ trợ các em thảo luận nhóm (nếu cần). B3: Báo cáo, thảo luận GV: - Yêu cầu HS trả lời, yêu cầu đại diện nhóm trình bày. - Hướng dẫn HS trình bày, nhận xét (nếu cần). HS: - Trả lời câu hỏi của GV. - Đại diện nhóm trình bày sản phẩm của nhóm. - HS các nhóm còn lại quan sát, theo dõi nhóm bạn trình bày và bổ sung cho nhóm bạn (nếu cần). B4: Kết luận, nhận định (GV) Các vương quốc được hình thành ở cả Đông Nam Á, nhưng nhiều nhất là ở lục địa vì có điều kiện tự nhiên thuận lợi, sông lớn tạo điều kiện cho người dân tụ họp thành các làng xã. - Nhận xét về thái độ học tập & sản phẩm học tập của HS. - Chuyển dẫn sang phần luyện tập.	2. Quá trình xuất hiện các vương quốc cổ ở Đông Nam Á từ thế kỉ VII TCN đến thế kỉ VII Trong những thế kỉ đầu Công nguyên, một số vương quốc cổ lần lượt ra đời ở Đông Nam Á. - Myanmar: Pe-gu, Tha-ton, Sri-kse-tra. - Việt Nam: Văn Lang, Âu Lạc, Chăm-pa, Phù Nam. - Cam-pu-chia: Chân Lạp - Thái Lan: Ha-ri-pun-giay-a, Đơ-ra-va-ti, Tam-bra-lin-ga, Kê-đa - Ma-lai-xi-a: Tu-ma-sic - In-đo-nê-xi-a : Ma-lay-u, Ta-ru-ma, Can-tô-li.

3. Sự hình thành và phát triển ban đầu của các vương quốc phong kiến từ thế kỉ XII đến thế kỉ X	
a) Mục tiêu: Giúp HS rút ra được quá trình hình thành và phát triển của các vương quốc phong kiến từ thế kỉ VII đến thế kỉ X. b) Nội dung: - GV sử dụng KT khăn phủ bàn, kĩ thuật động não để tổ chức cho HS khai thác đơn vị kiến thức. - HS suy nghĩ cá nhân, làm việc nhóm và hoàn thiện nhiệm vụ. c) Sản phẩm: Phần trình bày kiến thức của HS. d) Tổ chức thực hiện	
HĐ của thầy và trò	Sản phẩm dự kiến
B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV) Hoạt động nhóm 2 bàn – 4 bạn – khăn phủ bàn – 5 phút. ? Xác định trên bản đồ 10.3 và đọc thông tin, hãy cho biết từ thế kỉ VII đến thế kỉ X các vương quốc phong kiến ở ĐNÁ hình thành như thế nào? ? Dựa vào thông tin em hãy cho biết sự phát triển của các vương quốc phong kiến này ? Giải thích về sự phát triển kinh	3. Sự hình thành và phát triển ban đầu của các vương quốc phong kiến từ thế kỉ XII đến thế kỉ X Từ thế kỉ VII đến thế kỉ X các vương quốc phong kiến được hình thành như:

tế khác nhau giữa các vương quốc lục địa với vương quốc ở hải đảo? ? Em hiểu thế nào về khái niệm vương quốc cổ và vương quốc phong kiến? B2: Thực hiện nhiệm vụ HS suy nghĩ cá nhân và ghi lại đáp án câu hỏi. GV hướng dẫn, hỗ trợ các em tìm đáp án (nếu cần). - Sự phát triển kinh tế khác nhau giữa các vương quốc lục địa và hải đảo: - Lục địa - lưu vực sông- vương quốc- nông nghiệp lúa nước. - Hải đảo- vương quốc gần biển- buôn bán nước ngoài. - Về khái niệm: hs dựa vào bảng tra cứu thuật ngữ. B3: Báo cáo, thảo luận GV: - Yêu cầu HS trả lời, trình bày theo tinh thần xung phong - Hướng dẫn HS trình bày, nhận xét (nếu cần). HS: - Trả lời câu hỏi của GV. - HS khác quan sát, theo dõi bạn trình bày và bổ sung cho bạn (nếu cần). B4: Kết luận, nhận định (GV) - Nhận xét về thái độ học tập & sản phẩm học tập của HS. - Chuyển dẫn sang phần luyện tập.	- Pagan, Sri Kse-tra -> thuộc (Miến Điện) Myanma ngày nay. - Đva-ra-va-ti -> Thái Lan. -Sri-vi-giay-a, Calinga -> In-đô-nê-xi-a - Chân Lạp => Cam-pu-chia - Đại Cồ Việt, Chăm-pa -> Việt Nam. Quá trình phát triển của các nhà nước PK: - Bộ máy nhà nước quy củ hơn, vua được tăng cường quyền lực bởi quân đội và luật pháp. - Kinh tế nông nghiệp, thương nghiệp, hàng hải... phát triển.
---	---

HD 3: LUYỆN TẬP

a) **Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức của bài học vào việc làm bài tập cụ thể

b) **Nội dung:** HS suy nghĩ cá nhân làm bài tập của GV giao

c) **Sản phẩm:**

Bài tập 1: Đáp án đúng của bài tập.

d) **Tổ chức thực hiện**

B1: Chuyển giao nhiệm vụ: Giáo viên giao bài tập cho HS

Bài tập 1: Em hãy trình bày sơ lược vị trí địa lí của khu vực Đông Nam Á. Với vị trí địa lí như vậy, các vương quốc ở ĐNÁ đã chịu ảnh hưởng từ bên ngoài như thế nào trong quá trình ra đời và phát triển?

B2: Thực hiện nhiệm vụ

- HS xác định yêu cầu của đề bài và suy nghĩ cá nhân để làm bài tập
- GV hướng dẫn cho HS tìm hiểu đề và làm bài tập

B3: Báo cáo, thảo luận

- GV yêu cầu HS trình bày sản phẩm của mình.
- HS trình bày, theo dõi, nhận xét, đánh giá và bổ sung cho bài của bạn (nếu cần).

B4: Kết luận, nhận định: GV nhận xét bài làm của HS.

HD 4: VẬN DỤNG

a) **Mục tiêu:** Củng cố và mở rộng kiến thức nội dung của bài học cho HS

b) **Nội dung:** GV giao nhiệm vụ, HS thực hiện nhiệm vụ.

c) **Sản phẩm:** Bài làm của HS (HS sưu tầm sự hình thành và phát triển của một vương quốc).

d) **Tổ chức thực hiện**

B1: Chuyển giao nhiệm vụ: (GV giao bài tập)

Bài tập: Sưu tầm tư liệu về sự hình thành và phát triển của một vương quốc ở Đông Nam Á từ thế kỉ VII TCN đến thế kỉ X để giới thiệu cho các bạn?

B2: Thực hiện nhiệm vụ

- GV hướng dẫn các em tìm hiểu yêu cầu của đề.
- HS đọc và xác định yêu cầu của bài tập.

B3: Báo cáo, thảo luận

- GV hướng dẫn các em cách nộp sản phẩm cho GV sau khi hoàn thành.
- HS làm bài tập ra giấy và nộp lại cho GV qua hệ thống CNTT.

B4: Kết luận, nhận định (GV)

- Nhận xét ý thức làm bài của HS, nhắc nhở những HS không nộp bài hoặc nộp bài không đúng qui định (nếu có).
- Dặn dò HS những nội dung cần học ở nhà và chuẩn bị cho bài học sau.



Ngày soạn: 14/12/2023

TIẾT 24, 25- BÀI 11. GIAO LƯU THƯƠNG MẠI VÀ VĂN HOÁ Ở ĐÔNG NAM Á TỪ ĐẦU CÔNG NGUYÊN ĐẾN THẾ KỈ X

I. MỤC TIÊU (Học xong bài học, học sinh sẽ đạt được)

1. Về kiến thức

- Phân tích được những tác động của quá trình giao lưu thương mại và văn hóa ở Đông Nam Á từ đầu Công nguyên đến thế kỉ X.

2. Về kĩ năng, năng lực

- Khai thác được những thông tin kênh chữ, kênh hình trong bài học
- Vận dụng được kiến thức, kĩ năng đã học để sưu tầm giới thiệu về một thành tựu văn hóa đặc sắc ở Đông Nam Á (từ đầu Công nguyên đến thế kỉ thứ X)

3. Về phẩm chất

- Trân trọng, tự hào và giữ gìn những giá trị về kinh tế văn hóa đặc sắc của các nước trong khu vực Đông Nam Á trong đó có Việt Nam.
- Trân trọng và giữ gìn truyền thống đoàn kết giữa Việt Nam và các nước trong khu vực Đông Nam Á.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

- SGK, SGV.
- Một số video, tranh ảnh liên quan đến nội dung bài học.
- Máy chiếu, máy tính
- Giấy A1 hoặc bảng phụ để HS làm việc nhóm.
- Phiếu học tập.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

Hoạt động 1: XÁC ĐỊNH VẤN ĐỀ

a. Mục tiêu:

- Kết nối kiến thức từ cuộc sống vào nội dung bài học tạo hứng thú cho HS
- Xác định được vấn đề chính của nội dung bài học.

b. Nội dung:

GV: Chia nhóm lớp và giao nhiệm vụ.

HS: quan sát hình ảnh, làm việc nhóm để trả lời câu hỏi của GV

c. Sản phẩm học tập: HS lắng nghe và tiếp thu kiến thức

d. Tổ chức thực hiện:

- HS quan sát hình ảnh và trả lời câu hỏi:



? Quan sát hình ảnh trên em có nhận xét gì về cư dân Đông Nam Á ngày từ khoảng đầu Công nguyên?

B2: Thực hiện nhiệm vụ

GV: Hướng dẫn HS quan sát, phân tích hình ảnh và trả lời câu hỏi.

HS: Quan sát, phân tích hình ảnh và ghi kết quả thảo luận ra phiếu học tập.

B3: Báo cáo thảo luận

GV:

- Yêu cầu đại diện của một vài nhóm lên trình bày sản phẩm.
- Hướng dẫn HS báo cáo (nếu các em còn gặp khó khăn).

HS:

- Đại diện báo cáo sản phẩm nhóm
- HS còn lại theo dõi, nhận xét, bổ sung cho nhóm bạn (nếu cần).

B4: Kết luận, nhận định (GV)

- Nhận xét (hoạt động nhóm của HS và sản phẩm), chốt kiến thức, chuyển dẫn vào hoạt động hình thành kiến thức mới.
- Viết tên bài, nêu mục tiêu chung của bài và dẫn vào HĐ tiếp theo.

HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

1. Tác động của quá trình giao lưu thương mại

- Mục tiêu:** Phân tích được tác động của quá trình giao lưu thương mại giữa các quốc gia khu vực Đông Nam Á từ đầu Công nguyên đến thế kỉ X.
- Nội dung:** GV đặt câu hỏi, HS trả lời câu hỏi của GV.
- Sản phẩm:** Câu trả lời đúng của HS.
- Tổ chức thực hiện**

HĐ của thầy và trò	Sản phẩm dự kiến
Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập GV yêu cầu HS đọc thông tin mục I, quan sát Hình	1. Tác động của quá trình giao lưu thương mại

11.2, hình 11.3 và trả lời câu hỏi: <i>?Trình bày hoạt động giao lưu thương mại ở Đông Nam Á trong mười thế kỉ đầu Công nguyên.</i> <i>?Tác động của quá trình giao lưu thương mại đến các vương quốc cổ ở đầu Công nguyên thế kỉ X như thế nào?</i> Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập - GV hướng dẫn, HS đọc sgk và thực hiện yêu cầu. - GV theo dõi, hỗ trợ HS nếu cần thiết. Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận - GV gọi HS, nhóm trả lời câu hỏi. - GV gọi HS, nhóm khác nhận xét, bổ sung. Bước 4: Đánh giá kết quả, thực hiện nhiệm vụ học tập GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức, chuyển sang nội dung mới.	- Từ khoảng thế kỉ I, do nhu cầu trao đổi hàng hóa thương nhân Ấn Độ tăng cường hoạt động ở Đông Nam Á tập trung ở các cảng thị lớn của các vương quốc Phù Nam, Ca-lin-ga, Sri Vi-giây-a... - Từ khoảng thế kỉ VII, thương nhân Trung Quốc cũng mở rộng quan hệ vùng Đông Nam Á - Đông Nam Á là nơi cung cấp các sản vật tự nhiên: gỗ quý, hương đồi mồi, ngọc trai... tiêu thụ các sản phẩm thủ công...
--	--

2. Tác động của quá trình giao lưu văn hóa	
a) Mục tiêu: Phân tích được những tác động chính của quá trình giao lưu thương mại và văn hóa ở Đông Nam Á từ đầu Công nguyên đến thế kỉ X: Chữ viết, tôn giáo, kiến trúc, điêu khắc... b) Nội dung: - GV trình bày vấn đề; HS lắng nghe, đọc SHS, trả lời câu hỏi và tiếp thu kiến thức. - HS suy nghĩ cá nhân, làm việc nhóm và hoàn thiện nhiệm vụ. c) Sản phẩm: HS làm việc cá nhân và trả lời câu hỏi. d) Tổ chức thực hiện	
HD của thầy và trò	Sản phẩm dự kiến
Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập - GV yêu cầu HS đọc thông tin mục II và quan sát Hình 11.4, 11.5, 11.6: GV chia nhóm học sinh thảo luận; Nhóm 1: <i>Đọc thông tin mục II và quan sát Hình 11.4 cho biết tác động của quá trình giao lưu văn hóa đối với tôn giáo ở khu vực Đông Nam Á từ đầu Công nguyên đến thế kỉ X như thế nào?</i> Nhóm 2: <i>Đọc thông tin mục II và quan sát Hình 11.5 cho biết tác động của quá trình giao lưu văn hóa về chữ viết và văn học ở khu vực Đông Nam Á từ đầu Công nguyên đến thế kỉ X như thế nào?</i> Nhóm 3: <i>Đọc thông tin mục II và quan sát Hình 11.6, hình 11.7, hình 11.8 cho biết tác động của quá trình giao lưu văn hóa về kiến trúc và điêu khắc ở khu vực Đông Nam Á từ đầu Công nguyên đến thế kỉ X như thế nào?</i> Nhóm 4: <i>Kể tên những thành tựu về văn hóa tồn tại đến ngày nay ở Việt Nam nói riêng và Đông Nam Á nói chung?</i> Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập - GV hướng dẫn, HS đọc sgk và thực hiện yêu cầu. - GV theo dõi, hỗ trợ HS nếu cần thiết.	2. Tác động của quá trình giao lưu văn hóa + Tôn giáo: Phật giáo và Hin-đu giáo của Ấn Độ hoà nhập với tín ngưỡng dân gian của cư dân bản địa. + Chữ viết và văn học: - Chữ viết: Tiếp thu hệ thống chữ cổ của Ấn Độ, cư dân Đông Nam Á sáng tạo ra chữ viết riêng, người Việt tiếp thu hệ thống chữ Hán từ Trung Quốc. - Văn học: Tiếp thu văn học của Ấn Độ và sáng tạo ra bộ sử thi Ra-ma Khiên (Thái Lan), Riêm Kê (Cam-pu-chia) + Kiến trúc và điêu khắc: mang đậm dấu ấn của kiến trúc và tôn giáo Ấn Độ, phổ biến là đền tháp như tháp Chăm (Việt Nam) khu đền Bô-rô-bu-đua, Pram-ba-nan (In-đô-nê-xi-a) chùa Suê-đa-gôn (Mi-an-ma).... -Nghệ thuật điêu khắc truyền thống chịu ảnh hưởng của Ấn Độ chủ yếu

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận - GV gọi HS, nhóm trả lời câu hỏi. - GV gọi HS, nhóm khác nhận xét, bổ sung. Bước 4: Đánh giá kết quả, thực hiện nhiệm vụ học tập GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức, chuyển sang phần luyện tập.	là tượng thần, tượng phật và phù điêu.
--	--

HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP

a) **Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức của bài học vào việc làm bài tập cụ thể

b) **Nội dung:** HS suy nghĩ cá nhân làm bài tập của GV giao

c) **Sản phẩm:**

Bài tập 1: Đáp án đúng của bài tập.

d) **Tổ chức thực hiện**

- GV yêu cầu HS trả lời câu hỏi 1 vào phiếu học tập phần Luyện tập SGK trang 56: Ghi văn tắt nội dung theo mẫu thể hiện sự tác động của quá trình thương mại và văn hóa ở Đông Nam Á từ đầu Công nguyên đến thế kỉ X.

- HS tiếp nhận nhiệm vụ, đưa ra câu trả lời:

Tác động của quá trình giao lưu thương mại	Tác động của quá trình giao lưu văn hóa
Thương nhân Ấn Độ hoạt động mạnh mẽ ở Đông Nam Á	Phật giáo và Hin-đu giáo du nhập vào Đông Nam Á
Thương nhân Trung Quốc mở rộng quan hệ buôn bán	Tiếp thu chữ cổ Ấn Độ, sáng tạo ra chữ viết riêng của người Mã Lai, Chăm, Khơ-me...
Đông Nam Á cung cấp sản vật tự nhiên và thị trường tiêu thụ sản phẩm thủ công	Kiến trúc mang đậm dấu ấn kiến trúc Ấn Độ, điêu khắc chủ yếu tượng thần, tượng phật, phù điêu.

- GV nhận xét, chuẩn kiến thức.

B1: Chuyển giao nhiệm vụ: Giáo viên giao bài tập cho HS

B2: Thực hiện nhiệm vụ

- HS xác định yêu cầu của đề bài và suy nghĩ cá nhân để làm bài tập

- GV hướng dẫn cho HS tìm hiểu đề và làm bài tập

B3: Báo cáo, thảo luận

- GV yêu cầu HS trình bày sản phẩm của mình.

- HS trình bày, theo dõi, nhận xét, đánh giá và bổ sung cho bài của bạn (nếu cần).

B4: Kết luận, nhận định: GV nhận xét bài làm của HS.

HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG

a) **Mục tiêu:** Củng cố và mở rộng kiến thức nội dung của bài học cho HS

b) **Nội dung:** GV giao nhiệm vụ, HS thực hiện nhiệm vụ.

c) **Sản phẩm:** Bài làm của HS (HS chỉ ra được lịch sử của trường học, của ngôi làng, của di tích đền thờ... nơi mình sinh sống).

d) **Tổ chức thực hiện**

B1: Chuyển giao nhiệm vụ: (GV giao bài tập)

- GV yêu cầu HS trả lời câu hỏi 2 phần Vận dụng SGK trang 56:

Trong vai hướng dẫn viên du lịch, em hãy giới thiệu về một thành tựu văn hóa đặc sắc ở Đông Nam Á (từ đầu Công nguyên đến thế kỉ X)

B2: Thực hiện nhiệm vụ

- GV hướng dẫn các em tìm hiểu yêu cầu của đề.

- HS đọc và xác định yêu cầu của bài tập.

B3: Báo cáo, thảo luận

- GV hướng dẫn các em cách nộp sản phẩm cho GV sau khi hoàn thành.
- HS làm bài tập ra giấy và nộp lại cho GV qua hệ thống CNTT mà GV hướng dẫn.

B4: Kết luận, nhận định (GV)

- Nhận xét ý thức làm bài của HS, nhắc nhở những HS không nộp bài hoặc nộp bài không đúng qui định (nếu có).
- Dặn dò HS những nội dung cần học ở nhà và chuẩn bị cho bài học sau.

